

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG TUẤN ANH	Nam	19/08/2011	Kinh	10A1	36.5	
2	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	03/11/2011	Kinh	10A1	44.5	
3	NGUYỄN HOÀNG TUẤN ANH	Nam	26/03/2011	Kinh	10A1	46	
4	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	26/03/2011	Kinh	10A1	50	
5	VŨ HOÀNG ANH	Nam	05/11/2011	Kinh	10A1	41	
6	NGUYỄN KHẮC BÌNH	Nam	06/03/2011	Kinh	10A1	37.5	
7	NGUYỄN PHÚ BÌNH	Nam	24/03/2011	Kinh	10A1	51	
8	NGUYỄN THU BÌNH	Nữ	26/07/2011	Kinh	10A1	48	
9	CAO HOÀNG CƯỜNG	Nam	27/02/2011	Kinh	10A1	49	
10	LƯU MANH CƯỜNG	Nam	15/02/2011	Tày	10A1	41.5	
11	TRẦN KHAI DUY	Nam	11/12/2011	Kinh	10A1	43	
12	NGUYỄN BUI THUY DƯƠNG	Nữ	06/11/2011	Kinh	10A1	44.5	
13	ĐẶNG HAI ĐẶNG	Nam	14/01/2011	Nùng	10A1	46	
14	HOÀNG ANH HAI	Nam	07/12/2011	Nùng	10A1	41.5	
15	PHAN THỊ HANH	Nữ	15/01/2011	Thái	10A1	37.5	
16	TRẦN LÊ NGỌC HÂN	Nữ	25/08/2011	Kinh	10A1	50	
17	VĂN ĐÌNH CÔNG HUÂN	Nam	27/05/2011	Kinh	10A1	39	
18	NGUYỄN VŨ CÔNG HUY	Nam	24/03/2011	Kinh	10A1	51	
19	PHẠM BUI HOÀNG HÙNG	Nam	07/11/2011	Kinh	10A1	36.5	
20	HOÀNG TRỌNG KHANG	Nam	27/09/2010	Kinh	10A1	37.5	
21	TRẦN QUỐC LÂM	Nam	01/10/2011	Kinh	10A1	46	
22	NGUYỄN TRUNG LƯƠNG	Nam	15/11/2011	Kinh	10A1	42.5	
23	BUI ĐẶNG NGỌC LY	Nữ	29/06/2011	Nùng	10A1	50	
24	PHẠM HOÀI NAM	Nam	26/08/2011	Kinh	10A1	46	
25	LÊ KHÔI NGUYỄN	Nam	02/05/2011	Kinh	10A1	38.5	
26	PHẠM YẾN NHI	Nữ	16/12/2011	Kinh	10A1	46	
27	TRẦN TUYẾT NHI	Nữ	26/07/2011	Kinh	10A1	50	
28	BUI TUYẾT NHUNG	Nữ	06/05/2011	Kinh	10A1	46	
29	PHẠM MỸ NHUNG	Nữ	16/10/2011	Kinh	10A1	41.5	
30	NGUYỄN HỒ QUỲNH NHƯ	Nữ	01/07/2011	Kinh	10A1	44.5	
31	PHẠM MAI PHƯƠNG	Nữ	27/09/2011	Kinh	10A1	41.5	
32	TRẦN VIỆT QUÂN	Nam	03/08/2011	Kinh	10A1	39.5	
33	NGUYỄN MINH SANG	Nam	07/12/2011	Kinh	10A1	44.5	
34	TRẦN MỸ TÂM	Nữ	11/09/2011	Kinh	10A1	51	
35	NGUYỄN THỊ HOÀI THƠ	Nữ	30/11/2011	Kinh	10A1	51	
36	VŨ ANH THỨ	Nữ	14/09/2011	Kinh	10A1	48	
37	LÊ TRẦN BẢO TRẦN	Nữ	17/02/2011	Kinh	10A1	51	
38	LƯƠNG THỊ TRÚC	Nữ	30/09/2011	Nùng	10A1	46	
39	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	15/11/2011	Kinh	10A1	46	
40	HUỲNH ĐỨC TRUNG	Nam	24/05/2011	Kinh	10A1	50	
41	THAI THANH TRUNG	Nam	05/09/2011	Kinh	10A1	46	
42	NGUYỄN THỊ NHẢ UYÊN	Nữ	14/07/2011	Kinh	10A1	51	
43	TẠ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	03/01/2011	Kinh	10A1	51	
44	H' YẾN NIỀ	Nữ	24/05/2011	Gia-rai	10A1	46	

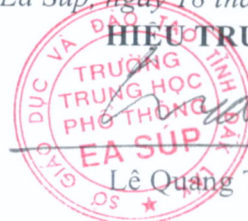
Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỞNG HỌC
 PHÓ THÔNG
 EA SÚP
 Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trung tuyển	Ghi chú
1	PHAM NGOC ANH	Nam	25/09/2011	Kinh	10A2	37.5	
2	PHAM THI BAO ANH	Nữ	30/01/2011	Kinh	10A2	50	
3	NGUYEN VIET CUONG	Nam	05/01/2011	Kinh	10A2	51	
4	PHAN ANH BAO CHAU	Nam	31/05/2011	Kinh	10A2	46	
5	ĐAM NHẢ CHỨC	Nữ	25/04/2011	Kinh	10A2	51	
6	PHAM MINH DUY	Nam	31/10/2011	Kinh	10A2	44.5	
7	ĐỖ ĐẠT	Nam	23/11/2011	Kinh	10A2	37.5	
8	LỤC HAI ĐĂNG	Nam	21/06/2011	Nùng	10A2	43	
9	NGUYEN CONG ĐỨC	Nam	20/12/2011	Kinh	10A2	46	
10	LÊ TRẦN BẢO HÂN	Nữ	12/12/2011	Kinh	10A2	44.5	
11	NGUYEN PHAN BẢO HÂN	Nữ	22/11/2011	Kinh	10A2	51	
12	LIÊN THANH HÒA	Nam	20/09/2011	Kinh	10A2	40	
13	TA THIÊN HOÀNG	Nam	17/08/2011	Kinh	10A2	38.5	
14	NGUYEN MANH HUNG	Nam	19/03/2011	Kinh	10A2	46	
15	PHAM ĐỨC HUY	Nam	02/03/2011	Kinh	10A2	50	
16	HOÀNG THỊ DIU HƯƠNG	Nữ	24/10/2011	Nùng	10A2	48	
17	PHAM HỒ ANH KHANG	Nam	07/11/2011	Kinh	10A2	46	
18	NGUYEN NGOC LAMH	Nữ	16/08/2011	Kinh	10A2	40	
19	NGUYEN HOANG LINH	Nữ	05/09/2011	Kinh	10A2	48	
20	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	05/08/2011	Kinh	10A2	51	
21	PHAM THỊ KHÁNH LY	Nữ	30/07/2011	Kinh	10A2	48	
22	NGUYEN THỊ THANH MAI	Nữ	27/10/2011	Kinh	10A2	47	
23	BUI TUAN MINH	Nam	04/07/2011	Kinh	10A2	41.5	
24	DƯƠNG HẠ BẢO MINH	Nữ	10/03/2011	Kinh	10A2	46	
25	NGUYEN THỊ NGOC MINH	Nữ	16/06/2011	Kinh	10A2	43	
26	NGUYEN THE NAM	Nam	28/02/2011	Kinh	10A2	44.5	
27	NGÔ MỸ NGỌC	Nữ	16/05/2011	Kinh	10A2	50	
28	NGUYEN XUAN NGUYEN	Nam	22/05/2011	Kinh	10A2	46	
29	ĐẶNG NGUYEN THANH NHAN	Nam	21/07/2011	Kinh	10A2	35.5	
30	LANG THỊ YẾN NHI	Nữ	12/04/2011	Thái	10A2	46	
31	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	12/05/2011	Kinh	10A2	46	
32	TRẦN NGUYEN HONG NHUNG	Nữ	10/08/2011	Kinh	10A2	51	
33	NGUYEN NGOC KIEU NHU	Nữ	16/07/2011	Kinh	10A2	50	
34	NGUYEN XUAN PHUC	Nam	15/12/2011	Kinh	10A2	51	
35	NGUYEN MAI PHUONG	Nữ	04/03/2011	Tày	10A2	50	
36	NGUYEN TRẦN ANH QUỐC	Nam	17/07/2011	Kinh	10A2	48	
37	HOÀNG ANH TỬ	Nam	03/11/2011	Nùng	10A2	37.5	
38	LÊ NHỰT THAI	Nam	02/07/2011	Kinh	10A2	36.5	
39	NGUYEN VĂN THAI	Nam	29/11/2011	Kinh	10A2	41.5	
40	HUYNH THỊ BẢO TRÂM	Nữ	18/07/2011	Kinh	10A2	41.5	
41	BUI QUANG VINH	Nam	18/11/2011	Kinh	10A2	41.5	
42	ĐỖ PHƯƠNG VY	Nữ	22/09/2011	Kinh	10A2	51	
43	HỒ LÊ VY	Nữ	12/11/2011	Kinh	10A2	49	
44	NGUYEN PHUONG VY	Nữ	22/03/2011	Kinh	10A2	46	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *LE*

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trung tuyển	Ghi chú
1	LANG VĂN ANH	Nam	14/12/2011	Thái	10A3	37.5	
2	VŨ THỊ BẢO CHÂU	Nữ	04/01/2011	Kinh	10A3	45	
3	TRẦN HỒNG DIỄM	Nữ	19/03/2011	Kinh	10A3	43	
4	NGÔ TIỀN ĐOÀN	Nam	17/03/2011	Kinh	10A3	46	
5	NGUYỄN TRƯỞNG GIANG	Nam	21/12/2011	Kinh	10A3	40.5	
6	NGUYỄN VĂN HẢO	Nam	20/10/2011	Kinh	10A3	41.5	
7	TRẦN QUANG HIẾU	Nam	07/04/2011	Kinh	10A3	38.5	
8	TRẦN HOÀNG	Nam	05/05/2011	Kinh	10A3	44.5	
9	NGUYỄN SỸ MINH HÙNG	Nam	26/10/2010	Kinh	10A3	43	
10	TRẦN SƠN MINH HUY	Nam	25/11/2011	Kinh	10A3	35.5	
11	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	22/04/2011	Kinh	10A3	51	
12	ĐINH DUY KHÁNH	Nam	22/07/2011	Kinh	10A3	36.5	
13	NGUYỄN VIỆT KHÁNH	Nam	25/11/2011	Kinh	10A3	51	
14	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	15/06/2011	Kinh	10A3	45	
15	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	02/08/2011	Kinh	10A3	50	
16	PHẠM VIỆT LINH	Nam	16/10/2011	Kinh	10A3	40	
17	VŨ ĐẠI LỢI	Nam	30/10/2011	Kinh	10A3	41.5	
18	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	28/11/2010	Kinh	10A3	38.5	
19	HUYNH THỊ KIỀU MÈN	Nữ	27/03/2011	Kinh	10A3	46	
20	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/01/2011	Kinh	10A3	51	
21	ĐỖ LÂM NGUYỄN	Nam	20/05/2011	Kinh	10A3	50	
22	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	08/03/2011	Kinh	10A3	44.5	
23	NGUYỄN KHÁNH NHI	Nữ	02/09/2011	Kinh	10A3	51	
24	VŨ HỒNG PHÚC	Nam	05/08/2011	Kinh	10A3	46	
25	CAO ĐOÀN TRƯỞNG PHƯỚC	Nam	27/07/2011	Mường	10A3	43	
26	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	26/04/2011	Kinh	10A3	50	
27	HOÀNG VĂN QUÂN	Nam	09/01/2011	Kinh	10A3	44.5	
28	TRƯƠNG MINH QUÂN	Nam	13/11/2011	Kinh	10A3	37.5	
29	LÝ TIỀN QUỐC	Nam	14/06/2011	Dao	10A3	44.5	
30	PHẠM NGUYỄN PHÚ TÀI	Nam	09/02/2011	Kinh	10A3	46	
31	TRỊNH VĂN TOÀN	Nam	30/03/2011	Kinh	10A3	38	
32	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	27/06/2011	Kinh	10A3	42	
33	NGUYỄN VĂN MINH THIÊN	Nam	05/04/2011	Kinh	10A3	50	
34	LÊ PHƯƠNG TRANG	Nữ	25/08/2011	Kinh	10A3	51	
35	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	15/07/2011	Kinh	10A3	48	
36	NGUYỄN HOÀNG KIỀU TRANG	Nữ	06/07/2011	Kinh	10A3	46	
37	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	04/02/2011	Kinh	10A3	47	
38	PHẠM LÊ BẢO TRÂM	Nữ	23/11/2011	Kinh	10A3	50	
39	VŨ THỊ MAI TRI	Nữ	31/01/2011	Kinh	10A3	48	
40	TRỊNH HOÀNG KIM VÂN	Nữ	18/02/2011	Kinh	10A3	51	
41	NGUYỄN UY VŨ	Nam	03/09/2011	Kinh	10A3	49	
42	HOÀNG PHƯƠNG VY	Nữ	28/11/2011	Kinh	10A3	49	
43	TRIỀU THỊ TRÁ VY	Nữ	26/02/2011	Dao	10A3	37.5	
44	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	25/01/2011	Thái	10A3	44.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trung tuyển	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC AN	Nam	05/09/2011	Kinh	10A4	41.5	
2	BUI PHƯƠNG ANH	Nữ	15/01/2011	Kinh	10A4	50	
3	LÊ THỊ TRÂM ANH	Nữ	29/12/2011	Kinh	10A4	44.5	
4	NGÂN HOÀNG ANH	Nam	15/02/2011	Thái	10A4	44.5	
5	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	18/07/2011	Kinh	10A4	50	
6	NGUYỄN BẢO CHIẾN	Nam	20/06/2011	Kinh	10A4	46	
7	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	28/05/2011	Kinh	10A4	45	
8	NGUYỄN KHÔNG THÙY DUYÊN	Nữ	22/05/2011	Kinh	10A4	51	
9	HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	14/07/2011	Nùng	10A4	46	
10	VŨ MINH ĐỨC	Nam	27/10/2011	Kinh	10A4	37.5	
11	CAO NGÂN HÃ	Nữ	16/06/2011	Kinh	10A4	47	
12	TRỊNH THỊ GIA HÂN	Nữ	23/08/2011	Kinh	10A4	51	
13	BUI THỊ MAI HOA	Nữ	06/03/2011	Kinh	10A4	51	
14	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	Nam	03/09/2011	Kinh	10A4	50	
15	TRẦN THIÊN HOÀNG	Nam	20/09/2011	Kinh	10A4	38.5	
16	VŨ ĐÌNH HỌC	Nam	05/09/2011	Kinh	10A4	38.5	
17	PHẠM HUỲNH MINH HUY	Nam	15/09/2011	Kinh	10A4	40	
18	VŨ HOÀNG GIA HUY	Nam	01/06/2011	Kinh	10A4	50	
19	ĐẶNG BUI NGỌC KIẾT	Nam	29/10/2011	Kinh	10A4	43	
20	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	16/11/2011	Kinh	10A4	41.5	
21	NGUYỄN LÊ KHOA	Nam	25/03/2011	Kinh	10A4	40	
22	HOÀNG DIỆU KHÁNH LINH	Nữ	16/09/2011	Kinh	10A4	44.5	
23	PHẠM PHƯƠNG LINH	Nữ	02/05/2011	Kinh	10A4	49	
24	HOÀNG THỊ TRÚC LY	Nữ	27/12/2011	Tày	10A4	39.5	
25	ĐO TRẢ MY	Nữ	28/07/2011	Kinh	10A4	46	
26	HOÀNG THỊ KIỀU MY	Nữ	29/08/2011	Nùng	10A4		
27	HUỲNH BÁ NAM	Nam	20/12/2011	Kinh	10A4	47	
28	LƯƠNG NHẬT NAM	Nam	15/10/2011	Kinh	10A4	51	
29	TRẦN KHÁNH NGỌC	Nữ	12/02/2011	Kinh	10A4	46	
30	PHẠM BUI PHƯƠNG NGUYỄN	Nữ	05/10/2011	Kinh	10A4	50	
31	NGUYỄN THẢO OANH	Nữ	29/10/2011	Kinh	10A4	49	
32	NGUYỄN TRẦN NGỌC OANH	Nữ	12/07/2011	Kinh	10A4	51	
33	PHAN THỊ BÌNH PHƯƠNG	Nữ	22/10/2011	Kinh	10A4	51	
34	PHAN ĐĂNG QUÂN	Nữ	01/01/2011	Kinh	10A4	38	
35	ĐẶNG BUI NGỌC QUỐC	Nam	29/10/2011	Kinh	10A4	43	
36	HOÀNG ĐẶNG THU QUYÊN	Nữ	22/09/2011	Nùng	10A4	43	
37	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	13/09/2011	Kinh	10A4	42	
38	TRẦN THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	06/10/2011	Kinh	10A4	43	
39	NGUYỄN MỘNG THIÊN	Nam	17/01/2011	Kinh	10A4	49	
40	LÊ VĂN THƯƠNG	Nam	05/02/2011	Nùng	10A4	43	
41	NGUYỄN HÀ BẢO TRẦN	Nữ	16/10/2011	Kinh	10A4	46	
42	DƯƠNG ĐÌNH TRỌNG	Nam	17/11/2011	Kinh	10A4	44.5	
43	PHAN THANH TRÚC	Nữ	19/03/2011	Kinh	10A4	50	
44	HỒ NHƯ Ý	Nữ	22/04/2011	Kinh	10A4	47	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	TRẦN NGUYỄN DIỆP ANH	Nữ	01/12/2011	Kinh	10A5	51	
2	NGUYỄN THÀNH GIA BẢO	Nam	20/09/2011	Kinh	10A5	43	
3	TRẦN VĂN GIA BẢO	Nam	16/08/2011	Kinh	10A5	37.5	
4	TRẦN NGUYỄN CHIẾN	Nam	22/11/2011	Kinh	10A5	36.5	
5	LÊ THỊ HIỀN DIJU	Nữ	02/03/2011	Mường	10A5	38.5	
6	LANG ĐÌNH DƯƠNG	Nam	11/11/2011	Thái	10A5	51	
7	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	Nam	20/07/2011	Kinh	10A5	36.5	
8	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	21/06/2011	Kinh	10A5	38.5	
9	NGUYỄN CÔNG ĐỊNH	Nam	15/11/2011	Kinh	10A5	46	
10	BUI THỊ GIANG	Nữ	10/10/2010	Kinh	10A5	38.5	
11	TRẦN MẠNH HÀ	Nam	13/06/2011	Kinh	10A5	36.5	
12	ĐÀM THỊ HIỆU HẠNH	Nữ	01/07/2011	Kinh	10A5	47	
13	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	03/10/2011	Kinh	10A5	44.5	
14	TRẦN DUY HOÀNG	Nam	02/01/2011	Kinh	10A5	40	
15	TRƯƠNG ĐOÀN VĂN HÙNG	Nam	13/12/2011	Kinh	10A5	43	
16	TRỊNH NHẬT HUY	Nam	06/11/2011	Thái	10A5	35.5	
17	HUỲNH THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	19/02/2011	Kinh	10A5	38.5	
18	HÀ THÊ HÙNG	Nam	22/04/2010	Thái	10A5	35.5	
19	TRẦN HOÀNG KỶ	Nam	23/10/2011	Kinh	10A5	35.5	
20	HÀ NGÂN KHÁNH	Nữ	08/05/2011	Kinh	10A5	43	
21	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Nữ	08/05/2009	Tày	10A5		Ở lại
22	THẠCH THỊ KHÁNH LINH	Nữ	07/05/2011	Nùng	10A5	36.5	
23	VŨ THỊ MẠI	Nữ	28/06/2011	HMông	10A5	38.5	
24	GIÀ BÁ MẠNH	Nam	19/04/2011	HMông	10A5	38.5	
25	NGUYỄN VĂN ĐÌNH NGUYỄN	Nam	19/09/2010	Kinh	10A5		Ở lại
26	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	Nam	21/01/2011	Kinh	10A5	35.5	
27	BÀN THỊ NGỌC NHI	Nữ	03/10/2011	Dao	10A5	41.5	
28	LÊ NGUYỄN THỊ YÊN NHI	Nữ	15/03/2010	Kinh	10A5	37.5	
29	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	Nữ	04/08/2011	Kinh	10A5	46	
30	LÊ THỊ QUYNH NHƯ	Nữ	12/09/2011	Kinh	10A5	37.5	
31	LAI THÊ GIA PHÁT	Nam	08/08/2011	Kinh	10A5	46	
32	NGUYỄN DUY TÀI	Nam	07/04/2011	Kinh	10A5	38.5	
33	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Nữ	18/09/2010	Kinh	10A5	35.5	
34	BUI QUYẾT THẮNG	Nam	21/08/2011	Kinh	10A5	35.5	
35	MUA QUYẾT THẮNG	Nam	18/02/2011	HMông	10A5	38.5	
36	NÔNG THỊ THANH THIÊN	Nữ	01/09/2011	Nùng	10A5	43	
37	TRẦN QUỐC THỊNH	Nam	25/09/2011	Kinh	10A5	38.5	
38	PHẠM THỊ QUYNH THƠM	Nữ	09/10/2011	Kinh	10A5	36.5	
39	MAI BẢO THY	Nữ	27/05/2011	Kinh	10A5	47	
40	NGUYỄN THỊ THANH TRÁ	Nữ	10/06/2011	Kinh	10A5	46	
41	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	Nữ	02/08/2011	Kinh	10A5	41.5	
42	PHẠM THỊ KIỀU TRINH	Nữ	10/01/2011	Kinh	10A5	46	
43	VŨ PHẠM PHƯƠNG UYÊN	Nữ	13/08/2011	Kinh	10A5	43	
44	TRẦN QUỐC VIỆT	Nam	06/07/2011	Kinh	10A5	36.5	
45	NGUYỄN HỒNG CÔNG VINH	Nam	10/07/2011	Kinh	10A5	40	
46	TRIỆU THỊ LÊ XUÂN	Nữ	01/03/2011	Nùng	10A5	36.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *FE*

[Signature]

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	TRẦN THỂ AN	Nam	25/10/2011	Kinh	10A6	35.5	
2	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	22/08/2011	Kinh	10A6	41.5	
3	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	04/12/2011	Kinh	10A6	47	
4	NIỀ NI DI NGỌC ANH SIU	Nữ	07/10/2011	Gia-rai	10A6	41.5	
5	CAO LÊ QUỐC BẢO	Nam	28/02/2010	Kinh	10A6	36.5	
6	ĐÀM THAI BẢO	Nam	23/08/2011	Kinh	10A6	37.5	
7	HỒ LÊ VĂN BÌNH	Nam	29/08/2010	Kinh	10A6		Ở lại
8	Y SONG CÁT HRA	Nam	28/06/2011	Gia-rai	10A6	44.5	
9	NGUYỄN VŨ KIẾN CƯỜNG	Nam	18/08/2010	Kinh	10A6	37.5	
10	NGUYỄN HỮU CHÍ	Nam	03/01/2011	Kinh	10A6	35.5	
11	NÔNG HOÀNG ANH DUY	Nam	28/05/2011	Tày	10A6	35.5	
12	PHAN MỸ DUYỀN	Nữ	28/03/2011	Kinh	10A6	46	
13	TRẦN THỊ THUY DƯƠNG	Nữ	09/09/2011	Kinh	10A6	41.5	
14	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	12/01/2011	Kinh	10A6	37	
15	HOÀNG THỊ NGUYỆT HÀ	Nữ	08/08/2011	Kinh	10A6	44.5	
16	H' VY HA MJAỎ	Nữ	06/09/2010	Gia-rai	10A6	36.5	
17	VŨ DUY HOÀNG	Nam	19/11/2011	Kinh	10A6	36.5	
18	HOÀNG THỊ KIM HUỆ	Nữ	23/12/2010	H'Mông	10A6	38.5	
19	NGUYỄN GIA HUY	Nam	21/09/2011	Kinh	10A6	47	
20	NGUYỄN TIỀN HUY	Nam	21/05/2011	Kinh	10A6	41.5	
21	THẠCH PHẠM NGỌC HUYỀN	Nữ	20/01/2011	Kinh	10A6	35.5	
22	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	07/11/2011	Kinh	10A6	40	
23	TRẦN THU HƯỜNG	Nữ	27/07/2011	Kinh	10A6	46	
24	LÊ THỊ NGỌC LAN	Nữ	08/11/2011	Kinh	10A6	38.5	
25	ĐẶNG THỊ THUY LINH	Nữ	31/12/2011	Kinh	10A6	49	
26	NGUYỄN ĐÌNH LONG	Nam	08/10/2011	Kinh	10A6	35.5	
27	CẨM THỊ KHÁNH LY	Nữ	02/09/2010	Thái	10A6	36.5	
28	HOÀNG THỊ LY	Nữ	28/04/2011	Nùng	10A6	38.5	
29	NGUYỄN ĐAU NAM	Nam	12/01/2011	Kinh	10A6	40	
30	HỒ BUI QUỲNH NGÀ	Nữ	09/11/2011	Kinh	10A6	37.5	
31	HOÀNG KHÁNH NGỌC	Nữ	15/08/2011	Kinh	10A6	47	
32	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	Nam	01/03/2011	Kinh	10A6	43	
33	ĐƯƠNG BẢO QUỐC	Nam	16/12/2011	Nùng	10A6	37.5	
34	LÊ ĐO THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	15/12/2011	Kinh	10A6	39	
35	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	18/08/2011	Kinh	10A6	43	
36	TRẦN NGUYỄN NGỌC QUỲNH	Nữ	25/09/2011	Kinh	10A6	46	
37	PHẠM VĂN PHƯỚC TIỀN	Nam	15/01/2011	Kinh	10A6	36.5	
38	TRẦN QUỐC TÍNH	Nam	14/04/2011	Kinh	10A6	36.5	
39	CHUÔNG NHẬT THÁI	Nam	05/07/2011	Hoa	10A6	38.5	
40	PHẠM NGỌC THANH	Nam	07/11/2010	Kinh	10A6	38.5	
41	NGUYỄN ĐO THẮNG	Nam	24/10/2010	Kinh	10A6	36.5	
42	Y TRAI NIỀ	Nam	13/02/2010	Gia-rai	10A6	36.5	
43	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	Nữ	10/07/2011	Kinh	10A6	36.5	
44	NGUYỄN BẢO TRẦN	Nữ	28/05/2011	Gia-rai	10A6	44.5	
45	TÀ X VĂN	Nam	19/02/2010	Kinh	10A6		Ở lại
46	PHẠM THỊ PHƯƠNG VĨ	Nữ	27/09/2011	Kinh	10A6	37.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *h*

TRƯỞNG HỌC
PHÒNG THÔNG
EA SÚP

Nguyễn Văn

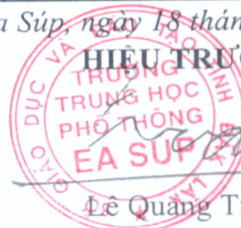
Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	TRẦN HẠ TRIỀU AN	Nam	06/04/2011	Kinh	10A7	35.5	
2	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	20/03/2011	Kinh	10A7	40	
3	LÊ NGỌC ANH	Nữ	22/07/2011	Kinh	10A7	36.5	
4	LÊ NGUYỄN ĐỨC BẢO	Nam	02/07/2011	Kinh	10A7	47	
5	HOÀNG THỊ KIM CHI	Nữ	08/06/2011	Kinh	10A7	49	
6	PHẠM TIẾN DUẬT	Nam	28/08/2011	Kinh	10A7	43	
7	ĐẶNG TÀI MỸ DUYỀN	Nữ	10/09/2011	Tày	10A7	45	
8	NGUYỄN THỊ DUYỀN	Nữ	05/11/2011	Kinh	10A7	46	
9	TRIỆU THỊ TÂM ĐOÀN	Nữ	21/12/2011	Dao	10A7	40.5	
10	H GÀM BYÃ	Nữ	13/07/2011	Gia-rai	10A7	36.5	
11	H Ế VỎ GI SIU	Nữ	01/09/2011	Gia-rai	10A7	38.5	
12	ĐỖ THỊ THANH HIỀN	Nữ	21/01/2011	Kinh	10A7	44.5	
13	NGÔ ĐỨC HOÀN	Nam	11/01/2009	Kinh	10A7	35.5	
14	TRẦN DUY HOÀNG	Nam	13/04/2011	Kinh	10A7	38.5	
15	ĐOÀN LÊ MINH HUY	Nam	09/09/2010	Kinh	10A7	36.5	
16	NGÔ THỊ KHÁNH HUYỀN	Nữ	03/10/2011	Tày	10A7	35.5	
17	ĐẶNG VĂN HÙNG	Nam	29/06/2011	Dao	10A7	37.5	
18	BÙI THỊ MỸ KIỀU	Nữ	30/04/2011	Kinh	10A7	46	
19	Y KIỀU KSỜ	Nam	09/06/2010	Gia-rai	10A7	36.5	
20	BÙI DUY KHÁNH	Nam	12/06/2010	Kinh	10A7	35.5	
21	LÊ VĂN KHÁNH	Nam	08/02/2010	Kinh	10A7	38.5	
22	LÊ ĐẶNG KHOA	Nam	12/08/2011	Kinh	10A7	36.5	
23	NÔNG THỊ KIM LINH	Nữ	07/05/2011	Tày	10A7	38.5	
24	CAO THỊ HỒNG MAI	Nữ	01/11/2010	Kinh	10A7	38.5	
25	VÀNG THỊ NU	Nữ	26/01/2010	HMông	10A7	37.5	
26	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	25/11/2011	Kinh	10A7	47	
27	NGAC VĂN NGHĨA	Nam	28/06/2009	Nùng	10A7	35.5	
28	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	19/05/2011	Kinh	10A7	37.5	
29	PHẠM VĂN NGHĨA	Nam	11/09/2011	Kinh	10A7	40.5	
30	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	19/09/2011	Kinh	10A7	38.5	
31	LÊ MINH PHÚC	Nam	19/10/2011	Kinh	10A7	43	
32	NGUYỄN VĂN TỈNH	Nam	16/01/2011	Kinh	10A7	36.5	
33	PHAN TIẾN THANH	Nam	06/12/2010	Kinh	10A7		Ở lại
34	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	03/11/2011	Kinh	10A7	40	
35	PHAN VĂN THIÊN	Nam	29/07/2011	Kinh	10A7	41.5	
36	ĐẶNG ANH THƯ	Nữ	11/05/2011	Kinh	10A7	46	
37	PHẠM THỊ HOÀI THƯ	Nữ	23/01/2011	Kinh	10A7	44.5	
38	NGUYỄN MỸ HUYỀN TRẦN	Nữ	29/07/2011	Kinh	10A7	46	
39	LÊ ĐÌNH TRIỀU	Nam	03/10/2011	Kinh	10A7	35.5	
40	LÝ KIM TRƯỜNG	Nam	16/03/2010	Dao	10A7	40.5	
41	NGUYỄN VĂN VỆ	Nam	07/10/2011	Kinh	10A7	36.5	
42	PHẠM THỊ TƯỜNG VI	Nữ	21/12/2011	Kinh	10A7	37	
43	ĐÀM QUANG VINH	Nam	24/04/2011	Nùng	10A7	38.5	
44	ĐÀM MINH VƯƠNG	Nam	16/09/2011	Kinh	10A7	36.5	
45	NGUYỄN ĐẶNG KIỀU YẾN	Nữ	23/08/2011	Kinh	10A7	39	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	DƯƠNG THỊ BÌNH AN	Nữ	28/10/2011	Kinh	10A8	36.5	
2	LƯƠNG HỒNG KHÁNH AN	Nữ	26/07/2011	Thái	10A8	38.5	
3	LÊ MINH TUẤN ANH	Nam	22/03/2011	Kinh	10A8	40.5	
4	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	07/07/2010	Kinh	10A8		Ở lại
5	ĐẶNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	16/11/2011	Kinh	10A8	48	
6	HỒ GIA BẢO	Nam	21/07/2011	Kinh	10A8	36.5	
7	KIỀU VĂN CUỒNG	Nam	25/01/2011	Kinh	10A8	36	
8	LÝ ĐỨC DUY	Nam	12/05/2010	Nùng	10A8	36.5	
9	BUI THỊ HÀ DUYỀN	Nữ	12/07/2011	Kinh	10A8	39.5	
10	ĐINH TIỀN ĐẠT	Nam	08/04/2011	Kinh	10A8	43	
11	LÊ TIỀN ĐẠT	Nam	24/08/2011	Kinh	10A8	38.5	
12	TRẦN NGUYỄN HẢI ĐẶNG	Nam	16/10/2011	Kinh	10A8	40	
13	TRẦN CÔNG ĐỊNH	Nam	28/10/2010	Kinh	10A8	36.5	
14	HUỲNH NGỌC HẢI	Nam	04/08/2011	Kinh	10A8	39	
15	BUI ANH GIA HUY	Nam	08/01/2010	Kinh	10A8		Học lại
16	HUỲNH GIA HUY	Nam	29/07/2011	Kinh	10A8	36.5	
17	TRẦN VŨ GIA HUY	Nam	03/07/2009	Kinh	10A8	35.5	
18	NGUYỄN NHƯ HUYỀN	Nữ	19/08/2011	Tày	10A8	40	
19	HOÀNG THANH KIM	Nam	02/08/2011	Nùng	10A8	39	
20	BUN KHANG KPA	Nam	24/12/2010	Gia-rai	10A8	35.5	
21	ĐỖ VIỆT KHÁNH	Nam	11/10/2011	Kinh	10A8	51	
22	HOÀNG DUY KHÁNH	Nam	15/12/2011	Tày	10A8	36.5	
23	ĐÀO NGUYỄN TÙNG LÂM	Nữ	22/03/2011	Kinh	10A8	46	
24	CÀM THANH LÊ	Nam	07/03/2011	Thái	10A8	38.5	
25	NGÔ QUANG LỰC	Nam	03/11/2011	HMông	10A8	35.5	
26	NGUYỄN VÕ TRÚC LY	Nữ	23/01/2011	Kinh	10A8	38.5	
27	VI THỊ TRÀ MY	Nữ	15/02/2011	Thái	10A8	38.5	
28	NGUYỄN THANH NGHỊ	Nam	19/10/2011	Kinh	10A8	41.5	
29	PHẠM GIA NGHĨA	Nam	30/11/2011	Kinh	10A8	43	
30	GIANG HỒNG NGỌC	Nữ	02/01/2011	Kinh	10A8	46	
31	PHẠM VI THẢO NHỊ	Nữ	11/10/2011	Kinh	10A8	38.5	
32	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	02/06/2011	Kinh	10A8	37.5	
33	VÕ NGUYỄN NGỌC PHỤNG	Nữ	07/10/2011	Kinh	10A8	40	
34	LÊ VĂN QUANG	Nam	27/11/2011	Kinh	10A8	35.5	
35	LÊ THỊ LỆ QUYỀN	Nữ	02/09/2011	Kinh	10A8	46	
36	LÊ ANH QUYỀN	Nam	27/01/2010	Kinh	10A8	35.5	
37	LƯƠNG THỊ MỸ TÂM	Nữ	01/03/2011	Thái	10A8	40.5	
38	NGUYỄN NGỌC TOÀN	Nam	27/04/2011	Kinh	10A8	36.5	
39	LÊ NGỌC TUYẾT	Nữ	21/11/2011	Kinh	10A8	36.5	
40	NGUYỄN TÂN THĂNG	Nam	19/11/2009	Kinh	10A8	36	
41	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	20/06/2011	Kinh	10A8	46	
42	ĐẶNG GIANG BẢO TRÚC	Nữ	28/09/2011	Tày	10A8	46	
43	NGUYỄN TRÀ THANH TRÚC	Nữ	21/03/2011	Kinh	10A8	48	
44	LÊ HOÀNG LAN VY	Nữ	19/06/2011	Kinh	10A8	44	
45	PHẠM VŨ TRIỆU VY	Nữ	26/04/2011	Kinh	10A8	44.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *FE*

Phạm Văn

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	VŨ THỊ HÀ ANH	Nữ	12/07/2011	Tày	10A9	44.5	
2	ĐÀM THỊ NGỌC ANH	Nữ	18/03/2011	Tày	10A9	41.5	
3	H' KIM ANH SIU	Nữ	24/10/2011	Gia-rai	10A9	43	
4	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	21/07/2011	Nùng	10A9	37.5	
5	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	15/06/2011	Kinh	10A9	40	
6	NGUYỄN KIỀU DIỄM	Nữ	29/08/2011	Kinh	10A9	40	
7	BÀN NGỌC DIỄM	Nữ	12/03/2011	Dao	10A9	46	
8	H DULEO MÃO	Nữ	07/03/2011	Gia-rai	10A9	38.5	
9	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	Nữ	02/03/2011	Kinh	10A9	41.5	
10	LIÊU QUỐC ĐẠT	Nam	24/06/2011	Nùng	10A9	37.5	
11	LÊ NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	28/04/2011	Kinh	10A9	43	
12	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	Nữ	03/07/2011	Kinh	10A9	38.5	
13	HUỖNH ĐỨC HUY	Nam	23/02/2011	Kinh	10A9	39	
14	NGUYỄN VŨ TUẤN HUY	Nam	27/09/2011	Kinh	10A9	38.5	
15	HOÀNG THỊ DIỆU HƯƠNG	Nữ	30/10/2011	Nùng	10A9	38.5	
16	LÊ THỊ TRÀ HƯƠNG	Nữ	21/09/2011	Mường	10A9	41.5	
17	KNUL H FU JIN SIU	Nữ	07/09/2011	Gia-rai	10A9	37.5	
18	H JU LIA HRA	Nữ	23/03/2011	Gia-rai	10A9	43	
19	Y NA NỎ RCÂM	Nam	18/03/2011	Gia-rai	10A9	38.5	
20	VI NGUYỄN BÍCH NGUYỄN	Nữ	16/12/2011	Tày	10A9	38.5	
21	LÊ VÕ UYÊN NHI	Nữ	16/04/2011	Kinh	10A9	41.5	
22	PHẠM NGỌC TỬ NHI	Nữ	20/11/2011	Kinh	10A9	47	
23	VŨ THỊ QUỲNH NHI	Nữ	30/08/2011	Kinh	10A9	46	
24	H NHI ADRÔNG	Nữ	07/11/2011	Ê-đê	10A9	38.5	
25	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	06/12/2011	Kinh	10A9	43	
26	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	26/07/2011	Kinh	10A9	38.5	
27	THAI ĐÌNH PHƯƠNG	Nam	30/12/2011	Kinh	10A9	46	
28	LÊ ANH QUÝ	Nam	23/07/2011	Kinh	10A9	37.5	
29	NGUYỄN TÂN TÀI	Nam	04/12/2011	Mường	10A9	51	
30	HOÀNG THỊ MỸ TÂM	Nữ	29/08/2011	Kinh	10A9	46	
31	ĐẶNG TIỀN	Nam	10/06/2011	Kinh	10A9	38.5	
32	NGUYỄN VĂN TÌNH	Nam	14/02/2011	Kinh	10A9	37.5	
33	ĐẶNG CAO CẨM TÚ	Nữ	09/04/2011	Tày	10A9	38.5	
34	ĐẶNG VĂN THÀNH	Nam	16/06/2011	Dao	10A9	38.5	
35	PHẠM ĐÌNH THỌ	Nam	28/04/2011	Kinh	10A9	38.5	
36	TRIỀU THỊ PHƯƠNG THU	Nữ	17/01/2011	Dao	10A9	46	
37	PHẠM THỊ THUẬN	Nữ	18/11/2011	Kinh	10A9	38.5	
38	NGUYỄN DUY THUẬN	Nam	24/03/2011	Kinh	10A9	41.5	
39	TRẦN ANH THƯ	Nữ	07/04/2011	Tày	10A9	44.5	
40	LÝ THỊ THƯƠNG	Nữ	11/06/2011	H'Mông	10A9	38.5	
41	NGUYỄN BẢO TRÀ	Nữ	27/07/2011	Nùng	10A9	37.5	
42	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	13/04/2011	Kinh	10A9	40	
43	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	19/09/2011	Kinh	10A9	38	
44	NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	Nam	05/06/2010	Kinh	10A9		Ở lại
45	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	31/07/2011	Kinh	10A9	47	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trung tuyển	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH CAO	Nam	20/12/2011	Kinh	10A10	38.5	
2	LUƠNG THỊ THUY DUNG	Nữ	19/02/2011	Thái	10A10	49	
3	NGUYỄN THỊ LINH ĐAN	Nữ	21/04/2011	Kinh	10A10	38.5	
4	Y YU ĐAN KSỜ	Nam	24/07/2011	Gia-rai	10A10	38.5	
5	LANG THANH ĐẠT	Nam	26/01/2011	Thái	10A10	39	
6	PHẠM HAI ĐĂNG	Nam	23/10/2011	Kinh	10A10	38.5	
7	HÀ THỊ THU HÀ	Nữ	03/09/2011	Thái	10A10	44.5	
8	TẶNG THANH HÀ	Nữ	27/07/2011	Tày	10A10	38.5	
9	ĐỖ NGỌC HÂN	Nữ	10/02/2011	Kinh	10A10	46	
10	PHẠM KIM HIẾU	Nữ	23/12/2011	Kinh	10A10	44.5	
11	HỒ THỊ MAI HOÀNG	Nữ	19/08/2011	Kinh	10A10	47	
12	HOÀNG QUỐC HÙNG	Nam	01/09/2011	Nùng	10A10	50	
13	ĐINH THỊ HỒNG KIỀU	Nữ	26/02/2011	Kinh	10A10	40	
14	TRẦN MINH KỶ	Nam	09/09/2010	Kinh	10A10	37.5	
15	HOÀNG TRỌNG KHOA	Nam	20/05/2011	Kinh	10A10	41	
16	DƯƠNG THỊ NGỌC LAN	Nữ	21/05/2011	HMông	10A10	38.5	
17	ĐOÀN HIẾU LINH	Nữ	06/04/2011	Kinh	10A10	37.5	
18	PHAN THỊ HÀ LINH	Nữ	29/11/2011	Kinh	10A10	47	
19	TRIỆU THỊ NGỌC LINH	Nữ	16/10/2011	Dao	10A10	38.5	
20	NGUYỄN TRÚC LY	Nữ	23/11/2011	Kinh	10A10	40	
21	MẠC VĂN MẠNH	Nam	06/07/2011	Nùng	10A10	37.5	
22	ĐẶNG THỊ TRẢ MY	Nữ	05/12/2011	Thái	10A10	38.5	
23	LÊ DUY NGUYỄN	Nam	04/06/2011	Kinh	10A10	38.5	
24	H YÊN NHI NIỀ	Nữ	11/01/2011	Gia-rai	10A10	37.5	
25	HÀ THỊ QUYNH NHƯ	Nữ	21/01/2011	Tày	10A10	44.5	
26	NGUYỄN THỊ TÂM NHƯ	Nữ	26/09/2011	Kinh	10A10	38.5	
27	LÊ DUY PHÁT	Nam	26/03/2011	Kinh	10A10	46	
28	ĐẶNG THỊ HÀ PHƯƠNG	Nữ	13/06/2011	Dao	10A10	43	
29	LÊ THU PHƯƠNG	Nữ	09/05/2011	Kinh	10A10	38.5	
30	DƯƠNG ANH QUÂN	Nam	29/10/2011	Kinh	10A10	41.5	
31	NGUYỄN THỊ NHƯ QUYNH	Nữ	29/12/2011	Kinh	10A10	43	
32	H E SA TER RCẨM	Nữ	15/12/2010	Gia-rai	10A10	38.5	
33	NGUYỄN VĂN SÁNG	Nam	27/11/2011	Kinh	10A10	39	
34	ĐOÀN DIỆU TÂM	Nữ	09/02/2011	Kinh	10A10	41.5	
35	ĐỖ BÁ THỐNG	Nam	23/04/2011	Nùng	10A10	37.5	
36	NGUYỄN VĂN THUẬN	Nam	09/12/2011	Kinh	10A10	38.5	
37	BÊ LY ANH THƯ	Nữ	25/02/2011	Nùng	10A10	40.5	
38	LY THỊ MINH THƯ	Nữ	09/04/2011	Nùng	10A10	38.5	
39	PHẠM THỊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	19/11/2011	Kinh	10A10	41.5	
40	HỒ HOÀNG THỊ TRANG	Nữ	04/10/2010	Kinh	10A10	37.5	
41	CẨM PHƯƠNG THAO VY	Nữ	14/03/2010	Thái	10A10		Ở lại
42	CẨM THỊ BẢO YÊN	Nữ	02/05/2011	Thái	10A10	46	
43	HÀ HAI YÊN	Nữ	18/10/2011	Nùng	10A10	43	
44	LY THỊ KIM YÊN	Nữ	15/05/2011	Dao	10A10	41.5	
45	NGUYỄN HOÀNG YÊN	Nữ	06/03/2011	Kinh	10A10	44.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *fc*

TRƯỜNG THPT
PHỔ THÔNG
EA SÚP

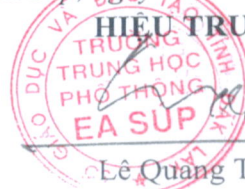
Lê Quang Trường

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trúng tuyển	Ghi chú
1	MAI THỊ LINH AN	Nữ	30/05/2011	Kinh	10A11	46	
2	NGUYỄN QUANG AN	Nam	17/10/2011	Kinh	10A11	44.5	
3	CAO THÈ ANH	Nam	05/05/2010	Kinh	10A11	41.5	
4	HỨA THỊ LAN ANH	Nữ	31/12/2011	Nùng	10A11	40	
5	LÊ QUỲNH ANH	Nữ	19/01/2011	Kinh	10A11	38.5	
6	LÊ THỊ NGỌC ANH	Nữ	15/08/2011	Tày	10A11	43	
7	NGUYỄN TRỌNG BAO	Nam	21/09/2011	Kinh	10A11	38.5	
8	H XÝ BRA RCẨM	Nữ	07/12/2010	Gia-rai	10A11	38.5	
9	NGUYỄN CÔNG DIỆM	Nam	02/02/2009	Kinh	10A11		Ở lại
10	TRƯƠNG THỊ ANH DƯƠNG	Nữ	28/04/2011	Kinh	10A11	46	
11	TRẦN QUỐC DƯƠNG	Nam	31/10/2011	Tày	10A11	37.5	
12	VÕ THỊ HỒNG HÂN	Nữ	22/04/2011	Kinh	10A11	41.5	
13	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	20/04/2011	Kinh	10A11	44.5	
14	TRIỀU THỊ HIỀN	Nữ	12/05/2010	Dao	10A11	38.5	
15	TRƯƠNG MINH HIỀN	Nam	27/11/2010	Thái	10A11	41.5	
16	LANG HÀ BẢO HIỆU	Nữ	25/05/2011	Thái	10A11	46	
17	LỤC MINH HIỆU	Nam	08/02/2011	Nùng	10A11	38.5	
18	TRẦN ĐỨC HIỆU	Nam	15/02/2011	Kinh	10A11	38.5	
19	PHAN THỊ HUỆ	Nữ	30/03/2011	Kinh	10A11	40.5	
20	LƯƠNG THỊ MAI HUYỀN	Nữ	06/05/2010	Thái	10A11	44.5	
21	LÊ THÈ KHANG	Nam	27/04/2011	Kinh	10A11	38.5	
22	LÝ MÙI KHE	Nữ	18/09/2011	Dao	10A11	41.5	
23	NGUYỄN ĐIỀU LINH	Nữ	24/11/2011	Kinh	10A11	39.5	
24	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	Nữ	28/05/2011	Kinh	10A11	37.5	
25	H' SA MA HRA	Nữ	28/02/2011	Gia-rai	10A11	37.5	
26	NÔNG TIỀN MẠNH	Nam	25/05/2011	Tày	10A11	37.5	
27	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	Nữ	12/11/2011	Kinh	10A11	37.5	
28	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	15/05/2011	Kinh	10A11	48	
29	TRIỀU THỊ YẾN NHI	Nữ	30/12/2011	Tày	10A11	50	
30	NGUYỄN THỊ THANH NHỎ	Nữ	23/01/2011	Kinh	10A11	43	
31	DƯƠNG THỊ KIM OANH	Nữ	21/04/2011	Tày	10A11	38.5	
32	HUYNH TRUNG QUÂN	Nam	18/09/2011	Kinh	10A11	41.5	
33	TRƯƠNG NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	07/09/2011	Kinh	10A11	38.5	
34	H' LI SA RCẨM	Nữ	19/10/2011	Gia-rai	10A11	38.5	
35	ĐÀO THỊ THUY TIỀN	Nữ	06/08/2011	Kinh	10A11	42	
36	Y TÍN KSỜ	Nam	24/04/2011	Gia-rai	10A11	37.5	
37	HOÀNG HẢI TỬ	Nam	03/11/2011	Nùng	10A11	49	
38	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THAO	Nữ	12/09/2011	Kinh	10A11	44.5	
39	LƯƠNG THỊ THƯỜNG	Nữ	26/12/2010	Thái	10A11	38.5	
40	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	28/12/2011	Kinh	10A11	38.5	
41	NÔNG HOÀNG BẢO TRUYỀN	Nữ	01/05/2011	Nùng	10A11	38.5	
42	NGUYỄN THỊ HÀ VĂN	Nữ	10/05/2011	Kinh	10A11	38.5	
43	BUI ĐĂNG VŨ	Nam	23/02/2011	Kinh	10A11	40.5	
44	LƯƠNG THỊ THẢO VY	Nữ	23/07/2011	Thái	10A11	43.5	
45	VƯƠNG HOÀNG HÂN VY	Nữ	16/08/2011	Nùng	10A11	44.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Tổng điểm trung tuyển	Ghi chú
1	NÔNG THỊ NGỌC ANH	Nữ	20/02/2011	Nùng	10A12	38.5	
2	TRẦN QUỐC BẢO	Nam	17/09/2011	Kinh	10A12	38.5	
3	Y HAI MJẢO	Nam	10/08/2010	Gia-rai	10A12	37.5	
4	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	14/09/2011	Kinh	10A12	44.5	
5	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	07/10/2011	Kinh	10A12	39	
6	LƯƠNG THỊ NGỌC HỒNG	Nữ	20/10/2011	Thái	10A12	43	
7	TRẦN GIA HUY	Nam	22/03/2011	Tày	10A12	37.5	
8	ĐẶNG THỊ NGỌC HƯƠNG	Nữ	25/03/2011	Dao	10A12	38.5	
9	TRẦN ĐÌNH MINH KIẾN	Nam	24/03/2011	Kinh	10A12	40	
10	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	Nữ	04/04/2010	Kinh	10A12	38.5	
11	LÊ KIỀU PHƯƠNG LAN	Nữ	15/11/2011	Kinh	10A12	41.5	
12	H' NA LEN MJẢO	Nữ	13/08/2011	Gia-rai	10A12	38.5	
13	VI THỊ MỸ LÊ	Nữ	04/11/2011	Thái	10A12	43	
14	TRIỆU NHẬT LONG	Nam	01/06/2011	Nùng	10A12	46	
15	NGUYỄN THỊ THẢO MY	Nữ	15/12/2011	Kinh	10A12	43	
16	PHẠM HỒNG DIỄM MY	Nữ	25/02/2011	Kinh	10A12	46	
17	NGUYỄN THỊ THU NGUYỄN	Nữ	17/08/2011	Kinh	10A12	43	
18	NGUYỄN THỊ LINH NHI	Nữ	09/08/2011	Thổ	10A12	44.5	
19	PHẠM THỊ TUYẾT NHI	Nữ	05/06/2011	Nùng	10A12	50	
20	GIẢNG HẠNH PHÚC	Nam	13/11/2011	HMông	10A12	46	
21	VƯƠNG ĐÌNH NGỌC QUÂN	Nam	16/02/2011	Kinh	10A12	43	
22	HÀ THỊ DIỄM QUỲNH	Nữ	08/02/2011	Thái	10A12	44.5	
23	H' NA RA RCẨM	Nữ	07/12/2011	Gia-rai	10A12	37.5	
24	H RHI RCẨM	Nữ	14/04/2011	Gia-rai	10A12	38.5	
25	NGUYỄN DƯƠNG LÊ SANG	Nam	20/04/2011	Kinh	10A12	38.5	
26	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	Nam	20/02/2010	Kinh	10A12		Ở lại
27	LƯƠNG THANH TỬ	Nam	19/04/2011	Thái	10A12	38	
28	NÔNG VŨ QUỐC TUÂN	Nam	11/03/2011	Tày	10A12	37.5	
29	LÊ KHẮC TÙNG	Nam	24/02/2011	Kinh	10A12	44	
30	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	28/05/2011	Kinh	10A12	37.5	
31	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	16/04/2011	Kinh	10A12	48	
32	NGÔ THANH THUY	Nữ	27/05/2011	Kinh	10A12	46	
33	VŨ ANH THU	Nữ	03/06/2011	Kinh	10A12	44.5	
34	HỒ HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	19/03/2011	Dao	10A12	44.5	
35	TRIỆU BẢO TRÂM	Nữ	27/10/2011	Dao	10A12	37.5	
36	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	Nữ	06/12/2011	Kinh	10A12	38.5	
37	TRỊNH TUÂN TRÍ	Nam	04/02/2011	Kinh	10A12	38.5	
38	BÊ THỊ THANH TRÚC	Nữ	15/09/2011	Tày	10A12	38.5	
39	LƯU QUỐC TRUNG	Nam	06/07/2011	Kinh	10A12	38.5	
40	HOÀNG THIÊN VŨ	Nam	29/09/2011	Kinh	10A12	40	
41	CHÂU THỊ NGỌC VY	Nữ	25/09/2011	Kinh	10A12	38.5	
42	NGUYỄN THỊ MỸ VY	Nữ	24/01/2010	Kinh	10A12	37.5	
43	PHẠM TRẦN KHÁNH VY	Nữ	07/02/2011	Kinh	10A12	41.5	
44	ĐẶNG THỊ YẾN	Nữ	27/05/2011	Dao	10A12	38.5	
45	HOÀNG THỊ HAI YẾN	Nữ	05/10/2011	Nùng	10A12	44.5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	HUYNH VÕ ĐẠI AN	Nam	16/04/2010	Kinh	11A1	
2	LÊ NGỌC KIM ANH	Nữ	12/08/2010	Kinh	11A1	
3	TRIỆU THỊ LAN ANH	Nữ	25/04/2010	Dao	11A1	
4	VŨ HUY BẢO	Nam	23/05/2010	Kinh	11A1	
5	ĐINH THANH CẢNH	Nam	14/09/2009	Kinh	11A1	
6	BUI THANH CAO	Nam	11/11/2010	Kinh	11A1	
7	NGUYỄN MẠNH CHÍNH	Nam	15/07/2010	Kinh	11A1	
8	LA VI NGỌC DIỆP	Nữ	14/10/2010	Nùng	11A1	
9	BUI THỊ KIM DUNG	Nữ	04/04/2010	Kinh	11A1	
10	LÊ NGUYỄN ANH DUNG	Nam	11/11/2010	Kinh	11A1	
11	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	07/10/2010	Kinh	11A1	
12	NGUYỄN LÊ ĐĂNG DƯƠNG	Nam	05/08/2010	Kinh	11A1	
13	NGUYỄN THÁI ĐẠT	Nam	25/03/2010	Kinh	11A1	
14	NÔNG TRUNG HẢI	Nam	26/01/2010	Nùng	11A1	
15	LANG THỊ NGỌC HÂN	Nữ	06/02/2010	Thái	11A1	
16	CAO VĂN HẬU	Nam	21/03/2010	Kinh	11A1	
17	CHU QUỐC HIỆP	Nam	04/04/2010	Tày	11A1	
18	NGUYỄN THỊ HIẾU	Nữ	04/04/2010	Kinh	11A1	
19	TRẦN QUANG HÙNG	Nam	29/05/2010	Kinh	11A1	
20	GIẢNG THỊ NGỌC LAN	Nữ	28/07/2010	HMông	11A1	
21	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nam	09/12/2010	Kinh	11A1	
22	PHẠM VŨ PHƯƠNG LINH	Nữ	25/12/2010	Kinh	11A1	
23	MÔNG THỊ TRẢ MY	Nữ	06/12/2010	Nùng	11A1	
24	TRẦN DUY MY	Nữ	07/03/2010	Kinh	11A1	
25	HUYNH THỊ HẰNG NGÀ	Nữ	20/09/2010	Kinh	11A1	
26	ĐẶNG THỊ CƯU NGỌC	Nữ	01/11/2010	Kinh	11A1	
27	LAI MỸ NGỌC	Nữ	19/07/2008	Hoa	11A1	
28	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	Nam	08/01/2010	Kinh	11A1	
29	TRIỆU PHỤ PÁO	Nam	07/06/2009	Dao	11A1	
30	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	18/03/2010	Kinh	11A1	
31	HUYNH LÊ QUYÊN	Nữ	17/09/2010	Kinh	11A1	
32	PHẠM VĂN TIẾN	Nam	10/01/2010	Kinh	11A1	
33	LÊ VĂN TÍN	Nam	20/08/2010	Kinh	11A1	
34	NGUYỄN THÁI TUẤN	Nam	04/03/2010	Kinh	11A1	
35	LÊ QUỐC THAI	Nam	25/05/2010	Kinh	11A1	
36	NGUYỄN MAI TRINH	Nữ	01/01/2010	Kinh	11A1	
37	MAI XUÂN TRỌNG	Nam	20/08/2010	Kinh	11A1	
38	PHẠM THANH TRUNG	Nam	15/11/2010	Kinh	11A1	
39	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Nam	16/09/2010	Kinh	11A1	
40	TRINH HỒ NHÀ UYÊN	Nữ	17/12/2010	Kinh	11A1	
41	HOÀNG THỊ HÀ VI	Nữ	18/01/2010	Nùng	11A1	
42	NGUYỄN QUỐC UY VŨ	Nam	10/03/2010	Kinh	11A1	
43	HỒ THANH VƯƠNG	Nam	09/02/2010	Kinh	11A1	
44	CAO THỊ BẢO YÊN	Nữ	23/10/2010	Kinh	11A1	
45	LÊ THỊ HOÀNG YÊN	Nữ	15/04/2010	Kinh	11A1	
46	NGUYỄN HOÀNG YÊN	Nữ	26/01/2010	Kinh	11A1	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT

EA SÚP

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN ANH	Nam	28/06/2010	Kinh	11A2	
2	TRẦN THUY NGỌC ANH	Nữ	30/03/2010	Kinh	11A2	
3	BUI ĐỨC BẢO	Nam	27/09/2010	Kinh	11A2	
4	NGUYỄN QUÁCH GIA BẢO	Nam	05/06/2010	Kinh	11A2	
5	VÕ HOÀNG BẢO	Nam	28/10/2010	Kinh	11A2	
6	HOÀNG TRIỆU CHÍ CƯỜNG	Nam	23/02/2010	Nùng	11A2	
7	HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	31/08/2010	Nùng	11A2	
8	NGUYỄN TÂN DUNG	Nam	04/09/2010	Kinh	11A2	
9	LUẬN VŨ HẢI DUY	Nam	20/04/2010	Nùng	11A2	
10	ĐÀU THUY ĐAN	Nữ	26/11/2010	Kinh	11A2	
11	NGUYỄN LINH ĐAN	Nữ	26/04/2010	Kinh	11A2	
12	LÊ HUỖNH HƯƠNG GIANG	Nữ	29/10/2010	Kinh	11A2	
13	NGUYỄN VĂN VIỆT KHAI	Nam	06/03/2010	Kinh	11A2	
14	NGUYỄN TRUNG ĐẠI LÂM	Nam	07/01/2010	Kinh	11A2	
15	HỒ THỊ KHÁNH LY	Nữ	16/12/2010	Kinh	11A2	
16	PHẠM TRẦN DIỄM MY	Nữ	15/06/2010	Kinh	11A2	
17	DƯƠNG THỊ KHÁNH NGỌC	Nữ	28/11/2010	Kinh	11A2	
18	HỒ NHẬT NGUYỄN	Nam	10/12/2010	Kinh	11A2	
19	NGUYỄN HỒ TRUNG NGUYỄN	Nam	10/07/2010	Kinh	11A2	
20	ĐÀO NGUYỄN THANH NHÂN	Nữ	08/08/2010	Kinh	11A2	
21	DƯƠNG THỊ LAN NHI	Nữ	07/02/2010	Tày	11A2	
22	LÊ HUỖNH YÊN NHƯ	Nữ	18/11/2010	Kinh	11A2	
23	H' SAO ÔN KPÁ	Nữ	02/11/2010	Gia-rai	11A2	
24	DƯƠNG THỊ PHUA	Nữ	16/08/2009	HMông	11A2	
25	KHÔNG LAN PHƯƠNG	Nữ	22/03/2010	Kinh	11A2	
26	BUI MINH QUÂN	Nam	26/04/2010	Kinh	11A2	
27	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	25/09/2010	Kinh	11A2	
28	HOÀNG HỮU TÂM	Nam	22/09/2010	Kinh	11A2	
29	PHÙNG QUỐC TOÀN	Nam	14/11/2010	Nùng	11A2	
30	TRẦN TRỌNG TỬ	Nam	14/01/2010	Kinh	11A2	
31	BUI NGỌC THẠCH	Nam	03/08/2010	Kinh	11A2	
32	LÊ DUY THÁI	Nam	17/10/2010	Kinh	11A2	
33	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	30/10/2010	Thái	11A2	
34	PHAN PHƯỚC THIÊN	Nam	18/08/2010	Kinh	11A2	
35	NGUYỄN HẠ THU	Nữ	13/07/2010	Kinh	11A2	
36	ĐÀO THỊ ANH THU	Nữ	03/03/2010	Kinh	11A2	
37	LÊ ANH THU	Nữ	19/10/2010	Kinh	11A2	
38	TRƯƠNG NGUYỄN ANH THU	Nữ	08/12/2010	Kinh	11A2	
39	HỒ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	08/04/2010	Kinh	11A2	
40	TRIỆU THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	12/12/2010	Dao	11A2	
41	KIỀU DƯƠNG GIA TRƯỜNG	Nam	06/10/2010	Kinh	11A2	
42	NGUYỄN THANH VÂN	Nữ	01/12/2010	Kinh	11A2	
43	NGUYỄN UY VŨ	Nam	06/01/2010	Kinh	11A2	
44	NGUYỄN THẢO VY	Nữ	02/06/2010	Kinh	11A2	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *ke*

Trương

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	DOÃN BÀ AN	Nam	07/04/2010	Kinh	11A3	
2	DƯƠNG VŨ HỒNG ANH	Nữ	10/07/2010	Kinh	11A3	
3	ĐẶNG PHAN TUẤN ANH	Nam	11/05/2010	Kinh	11A3	
4	NGUYỄN THỊ MINH ANH	Nữ	17/09/2010	Kinh	11A3	
5	TRƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	Nam	02/08/2010	Kinh	11A3	
6	LƯƠNG HOÀNG BẠCH	Nam	05/03/2010	Kinh	11A3	
7	ĐOÀN THÊ BẢO	Nam	15/06/2010	Kinh	11A3	
8	TRIỆU QUỐC BẢO	Nam	24/03/2010	Nùng	11A3	
9	HOÀNG VIỆT BÁC	Nam	25/08/2010	Tày	11A3	
10	NGUYỄN THỊ BÁC	Nữ	21/01/2010	Kinh	11A3	
11	PHAN VĂN BÁC	Nam	27/11/2010	Kinh	11A3	
12	PHẠM XUÂN BÌNH	Nam	30/09/2010	Kinh	11A3	
13	NGUYỄN MẠNH DẠN	Nam	23/10/2010	Kinh	11A3	
14	NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG	Nữ	03/01/2010	Kinh	11A3	
15	HỒ THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	27/05/2010	Kinh	11A3	
16	NGUYỄN ĐỨC GIANG	Nam	11/06/2010	Kinh	11A3	
17	VŨ THỊ KIM HUỆ	Nữ	20/09/2010	Kinh	11A3	
18	NGUYỄN HUY HÙNG	Nam	20/10/2010	Kinh	11A3	
19	KHÚC NGUYỄN GIA HUY	Nam	20/10/2010	Kinh	11A3	
20	BUI HỮU MINH KHOA	Nam	19/07/2010	Kinh	11A3	
21	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Nữ	27/04/2010	Kinh	11A3	
22	VĂN NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	04/03/2010	Kinh	11A3	
23	ĐẶNG THỊ LỘC	Nữ	05/09/2010	Kinh	11A3	
24	HOÀNG THỊ MAI	Nữ	07/05/2010	Nùng	11A3	
25	CAO HOÀNG MINH	Nam	18/01/2010	Kinh	11A3	
26	PHẠM ĐỨC NAM	Nam	22/03/2010	Kinh	11A3	
27	TRẦN THẢO NGỌC	Nữ	23/02/2010	Kinh	11A3	
28	PHAN THỊ NGUYỆT	Nữ	31/03/2010	Kinh	11A3	
29	NÔNG NGUYỄN QUANG NHẬT	Nam	23/12/2010	Tày	11A3	
30	LƯƠNG NGỌC THẢO NHỊ	Nữ	01/04/2010	Kinh	11A3	
31	TRƯƠNG HOÀI BẢO NHƯ	Nữ	02/05/2010	Kinh	11A3	
32	TRIỆU THỊ KIM OANH	Nữ	19/01/2010	Nùng	11A3	
33	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	18/06/2010	Kinh	11A3	
34	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	22/02/2010	Kinh	11A3	
35	NGUYỄN NGỌC ANH QUÂN	Nam	19/07/2010	Kinh	11A3	
36	ĐOÀN THĂNG TIỀN	Nam	20/10/2010	Kinh	11A3	
37	TRƯƠNG THỊ MỸ TÌNH	Nữ	30/01/2010	Kinh	11A3	
38	TRIỆU THỊ BÍCH THOA	Nữ	07/05/2010	Dao	11A3	
39	HỒ QUỲNH TRANG	Nữ	07/01/2010	Kinh	11A3	
40	TRẦN THỊ THỦY TRANG	Nữ	14/04/2010	Kinh	11A3	
41	BÊ THỊ MỸ UYÊN	Nữ	08/08/2010	Nùng	11A3	
42	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	24/04/2010	Kinh	11A3	
43	PHẠM ĐỨC VIỆT	Nam	22/03/2010	Kinh	11A3	
44	TRƯƠNG VĂN VIỆT	Nam	09/05/2010	Kinh	11A3	
45	VÔ THỊ MỸ XUYỀN	Nữ	12/11/2010	Kinh	11A3	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NÔNG THẠCH AN	Nam	06/01/2009	Nùng	11A4	
2	PHẠM HOÀNG ANH	Nam	11/10/2009	Kinh	11A4	
3	VŨ NGỌC ANH	Nữ	06/01/2010	Kinh	11A4	
4	ĐỖ GIA BẢO	Nam	17/07/2009	Kinh	11A4	
5	LÊ TRẦN DUY BẢO	Nam	17/10/2010	Kinh	11A4	
6	THÂN GIA BẢO	Nam	10/09/2010	Kinh	11A4	
7	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Nam	01/05/2010	Kinh	11A4	
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	27/12/2010	Kinh	11A4	
9	NGUYỄN BẢO CHÂU	Nam	16/10/2010	Kinh	11A4	
10	VÀNG A CHỖ	Nam	31/08/2009	HMông	11A4	
11	VÀNG A DANH	Nam	12/03/2009	HMông	11A4	
12	TRIỆU THỊ DIỄN	Nữ	22/08/2010	Nùng	11A4	
13	BUI THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	18/05/2010	Kinh	11A4	
14	HUỲNH ĐỨC HOÀNG	Nam	23/03/2010	Kinh	11A4	
15	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	03/04/2010	Kinh	11A4	
16	LÊ QUỐC HUY	Nam	03/05/2010	Kinh	11A4	
17	HUỲNH LÊ THANH HƯƠNG	Nữ	19/04/2010	Kinh	11A4	
18	TRẦN ANH KIẾT	Nam	13/10/2010	Kinh	11A4	
19	NGUYỄN PHẠM HOÀNG KHANG	Nam	19/07/2010	Kinh	11A4	
20	TRIỆU VĂN KHIÊM	Nam	22/09/2010	Nùng	11A4	
21	LÝ VĂN LỢI	Nam	10/05/2009	Nùng	11A4	
22	NGUYỄN TUỆ MINH	Nữ	06/05/2010	Kinh	11A4	
23	HỒ THẢO MY	Nữ	28/09/2010	Kinh	11A4	
24	Y THỨC NY KPĂ	Nam	23/02/2009	Gia-rai	11A4	
25	TRẦN VĂN HỮU NGHĨA	Nam	18/11/2010	Kinh	11A4	
26	HỒ NGỌC TUYẾT NHI	Nữ	19/04/2010	Kinh	11A4	
27	NGUYỄN THỊ MAI NHI	Nữ	15/04/2010	Kinh	11A4	
28	NGUYỄN THỊ NHỎ	Nữ	20/08/2010	Kinh	11A4	
29	KHA VĂN MINH QUÂN	Nam	24/03/2010	Thái	11A4	
30	LÊ QUÂN	Nam	07/08/2010	Kinh	11A4	
31	ĐÀM THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	29/11/2010	Nùng	11A4	
32	NGUYỄN TRẦN MAI QUỲNH	Nữ	05/02/2010	Kinh	11A4	
33	NÔNG THỊ TÂM	Nữ	15/07/2010	Tày	11A4	
34	HOÀNG THANH TÙNG	Nam	24/02/2010	Nùng	11A4	
35	LÝ THỊ THU	Nữ	07/04/2010	Nùng	11A4	
36	PHẠM HOÀNG ANH THU	Nữ	09/09/2010	Kinh	11A4	
37	NÔNG THỊ PHƯƠNG TRÚC	Nữ	26/02/2010	Tày	11A4	
38	TRẦN THỊ THANH TRÚC	Nữ	21/01/2010	Kinh	11A4	
39	BUI THỊ THẢO UYÊN	Nữ	22/03/2010	Kinh	11A4	
40	NGUYỄN THỊ UYÊN	Nữ	30/10/2010	Kinh	11A4	
41	ĐINH THỊ KHÁNH VY	Nữ	26/06/2010	Tày	11A4	
42	PHẠM THẢO VY	Nữ	20/02/2010	Kinh	11A4	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *TC*

TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
EA SÚP

Lê Quang Trường

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NÔNG NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	08/06/2010	Nùng	11A5	
2	PHẠM QUỐC MINH ANH	Nam	16/03/2010	Kinh	11A5	
3	TRẦN VÕ HÀ ANH	Nữ	03/05/2010	Kinh	11A5	
4	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	05/02/2010	Kinh	11A5	
5	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	25/09/2010	Kinh	11A5	
6	VŨ XUÂN BIÊN	Nam	06/02/2010	Kinh	11A5	
7	ĐÀM THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	10/11/2010	Tày	11A5	
8	TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	13/11/2010	Kinh	11A5	
9	TRƯƠNG THỊ ĐÀO	Nữ	19/04/2010	Nùng	11A5	
10	PHẠM HUY HOÀNG	Nam	07/01/2010	Kinh	11A5	
11	TRẦN TRỌNG HOÀNG	Nam	28/11/2010	Sán Chay	11A5	
12	HOÀNG THỊ HUỆ	Nữ	16/09/2010	Nùng	11A5	
13	TRIỆU THU HƯỜNG	Nữ	12/09/2010	Dao	11A5	
14	LÊ HOÀNG LINH	Nữ	02/04/2010	Kinh	11A5	
15	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	28/11/2010	Kinh	11A5	
16	TRẦN THUY LINH	Nữ	04/04/2010	Kinh	11A5	
17	NGUYỄN THÀNH LỘC	Nam	16/10/2010	Kinh	11A5	
18	VÀNG A MUA	Nam	08/12/2010	HMông	11A5	
19	NGUYỄN THỊ HẰNG NI	Nữ	06/09/2010	Kinh	11A5	
20	LƯƠNG NGỌC NHI	Nữ	12/01/2010	Nùng	11A5	
21	LÝ THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	01/11/2010	Nùng	11A5	
22	HÀ MINH QUÂN	Nam	16/12/2010	Thái	11A5	
23	NGUYỄN GIANG BẢO SƠN	Nam	25/12/2010	Kinh	11A5	
24	LÝ TOÀN THẮNG	Nam	21/04/2010	HMông	11A5	
25	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	Nữ	12/12/2010	Kinh	11A5	
26	HUỲNH TRUNG THIÊN	Nam	12/11/2010	Kinh	11A5	
27	HỒ VĂN THUẬN	Nam	09/08/2010	Kinh	11A5	
28	DƯƠNG THỊ THƯƠNG	Nữ	30/05/2010	Kinh	11A5	
29	NGUYỄN TRẦN BẢO TRÂN	Nữ	02/06/2010	Kinh	11A5	
30	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH	Nữ	24/11/2010	Kinh	11A5	
31	ĐỖ THỊ THỦY TRÚC	Nữ	11/05/2010	Kinh	11A5	
32	NGUYỄN THỊ KIM VÂN	Nữ	05/03/2010	Kinh	11A5	
33	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	27/10/2010	Kinh	11A5	
34	BÙI THỊ TƯỜNG VY	Nữ	20/01/2010	Kinh	11A5	
35	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	18/01/2010	Tày	11A5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *fe*

Nguyễn Văn Tuấn

EA SÚP

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	LỤC KỶ ANH	Nam	07/11/2010	Tày	11A6	
2	NGUYỄN THỊ YẾN CHI	Nữ	02/10/2010	Kinh	11A6	
3	H' DIN SIU	Nữ	10/09/2009	Gia-rai	11A6	
4	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	01/12/2010	Kinh	11A6	
5	VŨ TẤN DŨNG	Nam	10/08/2010	Kinh	11A6	
6	PHẠM VĂN ĐỒ	Nam	25/02/2010	Kinh	11A6	
7	TRẦN PHAN HOÀNG HẢI	Nam	17/01/2010	Kinh	11A6	
8	ĐÀM THỊ NGỌC HIỀN	Nữ	06/04/2010	Nùng	11A6	
9	NGUYỄN KHÁNH HÒA	Nữ	26/11/2010	Kinh	11A6	
10	ĐÀM THỊ BÍCH HỢP	Nữ	10/04/2010	Nùng	11A6	
11	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	15/09/2010	Kinh	11A6	
12	HOÀNG THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	11/01/2009	Nùng	11A6	
13	VŨ THỊ HÀ LINH	Nữ	11/11/2010	Kinh	11A6	
14	PHAN THỊ THANH MAI	Nữ	29/07/2010	Tày	11A6	
15	NÔNG THẾ MẠNH	Nam	19/05/2010	Nùng	11A6	
16	HỒ LÊ GIA MẪN	Nữ	15/03/2010	Kinh	11A6	
17	TRẦN CÔNG NGHIỆP	Nam	08/04/2009	Kinh	11A6	
18	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	23/10/2010	Kinh	11A6	
19	VI THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	15/09/2010	HMông	11A6	
20	TRẦN THỊ KIỀU OANH	Nữ	01/11/2010	Tày	11A6	
21	SỸ DANH PHÁT	Nam	22/11/2010	Kinh	11A6	
22	TRIỆU MẠC PHI	Nam	10/03/2010	Dao	11A6	
23	TRỊNH NHẤT PHI	Nam	12/12/2010	Kinh	11A6	
24	LÝ THỊ YẾN PHƯƠNG	Nữ	16/06/2010	Tày	11A6	
25	HỒ THỊ PHƯỢNG	Nữ	12/01/2010	Kinh	11A6	
26	CAO VĂN QUANG	Nam	17/09/2010	Nùng	11A6	
27	ĐINH TUẤN TÀI	Nam	17/01/2010	Tày	11A6	
28	MÔNG THỊ THỦY TIÊN	Nữ	21/07/2010	Nùng	11A6	
29	TRẦN THỊ TƯƠNG	Nữ	09/09/2010	Nùng	11A6	
30	LÝ THỊ HOÀI THU	Nữ	19/11/2010	Tày	11A6	
31	ĐOÀN THỊ DIỆU TRANG	Nữ	30/06/2010	Kinh	11A6	
32	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	Nữ	24/05/2010	Kinh	11A6	
33	TẶNG THỊ THANH TRÚC	Nữ	01/11/2010	Kinh	11A6	
34	KHUU ĐỨC VIỆT	Nam	10/10/2010	Kinh	11A6	
35	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG VY	Nữ	18/12/2010	Nùng	11A6	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT EA SÚP

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	RIÊU QUỲNH AN	Nữ	25/10/2010	Kinh	11A7	
2	ĐOÀN DUY BẢO	Nam	02/09/2009	Kinh	11A7	
3	NGUYỄN QUANG GIA BẢO	Nam	13/09/2009	Kinh	11A7	
4	PHẠM THỊ MINH CHÂU	Nữ	30/08/2010	Kinh	11A7	
5	H GIẢN DI SIU	Nữ	23/09/2010	Gia-rai	11A7	
6	TRẦN NGỌC DIỆP	Nữ	22/08/2010	Kinh	11A7	
7	BÙI BÌNH DƯƠNG	Nam	29/03/2010	Mường	11A7	
8	LÝ GIA HÂN	Nữ	02/04/2010	Nùng	11A7	
9	NGUYỄN THỊ HOÀN	Nữ	13/09/2010	Kinh	11A7	
10	PHẠM THỊ HƯƠNG	Nữ	02/10/2010	Mường	11A7	
11	PHẠM THÈ KHẢI	Nam	27/12/2010	Kinh	11A7	
12	CHẢO QUANG LĂNG	Nam	11/06/2010	Nùng	11A7	
13	LONG THỊ LIỄU LINH	Nữ	05/12/2010	Nùng	11A7	
14	VŨ ĐỨC LONG	Nam	23/07/2010	Kinh	11A7	
15	PHẠM THỊ TUYẾT NGÀ	Nữ	21/09/2010	Kinh	11A7	
16	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/04/2010	Nùng	11A7	
17	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	24/09/2010	Kinh	11A7	
18	TRẦN THÀNH NHÂN	Nam	25/05/2010	Kinh	11A7	
19	NÔNG THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	13/02/2010	Nùng	11A7	
20	H OAN HRA	Nữ	26/06/2008	Gia-rai	11A7	
21	MAI THỊ DIU OANH	Nữ	17/12/2010	Khơ-me	11A7	
22	CAO VIỆT PHÚC	Nam	28/05/2010	Kinh	11A7	
23	LÊ NGUYỄN THU PHƯỢNG	Nữ	15/07/2010	Kinh	11A7	
24	VI TRUNG QUYỀN	Nam	13/02/2010	Nùng	11A7	
25	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	25/01/2010	Kinh	11A7	
26	H' SU RA MÏAỎ	Nữ	31/07/2010	Gia-rai	11A7	
27	NIỀ RUBY SIU	Nam	25/04/2010	Ê-đê	11A7	
28	H SUNY RCẨM	Nữ	01/11/2010	Gia-rai	11A7	
29	NÔNG THỊ MAI SƯƠNG	Nữ	27/02/2010	Tày	11A7	
30	HOÀNG THỊ TỬ	Nữ	05/10/2010	Kinh	11A7	
31	PHẠM NGUYỄN CÁT TƯỜNG	Nữ	12/06/2010	Kinh	11A7	
32	ĐỖ TUẤN THÀNH	Nam	28/09/2010	Kinh	11A7	
33	LÊ VĂN THÀNH	Nam	16/01/2010	Kinh	11A7	
34	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	10/02/2010	Kinh	11A7	
35	LÝ THỊ QUỲNH THU	Nữ	28/09/2010	Nùng	11A7	
36	DƯƠNG THỊ ĐAN TRANG	Nữ	13/06/2010	Nùng	11A7	
37	PHƯƠNG THỊ YẾN TRANG	Nữ	07/09/2010	Nùng	11A7	
38	HOÀNG THỊ KIỀU VÂN	Nữ	31/08/2010	Nùng	11A7	
39	TRẦN HOÀNG THANH VÂN	Nữ	22/12/2010	Kinh	11A7	
40	NÔNG ĐỨC VIỆT	Nam	26/12/2010	Tày	11A7	
41	ĐOÀN PHƯƠNG VY	Nữ	17/10/2010	Kinh	11A7	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	27/09/2010	Kinh	11A8	
2	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	14/05/2010	Kinh	11A8	
3	PHẠM KHÔNG GIA BẢO	Nam	11/10/2010	Kinh	11A8	
4	TRẦN THỊ DIỆU CHÂU	Nữ	10/10/2010	Kinh	11A8	
5	HOÀNG THỊ THANH DIỆP	Nữ	05/11/2010	Nùng	11A8	
6	VY THỊ ĐAN ĐAN	Nữ	19/01/2010	Thái	11A8	
7	TRƯƠNG BẢO GIANG	Nam	01/12/2010	Thái	11A8	
8	ĐÀM THỊ QUÝ HÂN	Nữ	19/09/2010	Nùng	11A8	
9	HÀ THỊ HỘP	Nữ	17/10/2010	Tày	11A8	
10	PHÙNG NGỌC HUY	Nam	04/04/2010	Kinh	11A8	
11	BUI THANH HUYỀN	Nữ	08/04/2010	Kinh	11A8	
12	TÔN QUỲNH HƯƠNG	Nữ	01/11/2010	Kinh	11A8	
13	H' KALI SIU	Nữ	17/08/2009	Gia-rai	11A8	
14	NGUYỄN THIÊN KIM	Nữ	29/08/2010	Kinh	11A8	
15	NGUYỄN HỒ BÌNH KHANG	Nam	14/06/2010	Kinh	11A8	
16	VI THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	26/10/2010	Nùng	11A8	
17	NGUYỄN THỊ MINH MẾN	Nữ	16/06/2010	Tày	11A8	
18	H XÊ MI SIU	Nữ	18/02/2010	Gia-rai	11A8	
19	LÝ TIỀN MINH	Nam	25/01/2010	Mạ	11A8	
20	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	20/12/2010	Kinh	11A8	
21	H NI NA SIU	Nữ	19/08/2010	Gia-rai	11A8	
22	H' TY NA SIU	Nữ	28/03/2010	Gia-rai	11A8	
23	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	02/01/2010	Kinh	11A8	
24	TRẦN BẢO NGỌC	Nam	03/12/2010	Tày	11A8	
25	MAI THỊ KIM NHẬT	Nữ	20/10/2010	Kinh	11A8	
26	NGUYỄN TRỊNH BẢO NHI	Nữ	29/09/2010	Kinh	11A8	
27	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	29/03/2010	Tày	11A8	
28	NGUYỄN PHẠM TAM PHONG	Nam	27/09/2010	Kinh	11A8	
29	NGUYỄN ĐẠI THANH PHÚC	Nam	02/02/2010	Kinh	11A8	
30	TRẦN DUY PHÚC	Nam	20/10/2010	Kinh	11A8	
31	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	Nam	14/01/2010	Kinh	11A8	
32	TRỊNH THANH PHƯƠNG	Nữ	08/11/2010	Thái	11A8	
33	ĐỖ VIỆT QUỐC	Nam	20/06/2009	Kinh	11A8	
34	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	12/01/2010	Tày	11A8	
35	LỤC NHƯ QUỲNH	Nữ	25/01/2010	Nùng	11A8	
36	H- TÊ RA SIU	Nữ	18/03/2010	Gia-rai	11A8	
37	PHẠM VĂN TÀI	Nam	24/05/2009	Kinh	11A8	
38	NGUYỄN HỮU TÂN	Nam	23/05/2010	Kinh	11A8	
39	TRẦN VI THANH THẢO	Nữ	15/11/2010	Tày	11A8	
40	NÔNG THỊ THIÊN THU	Nữ	07/01/2010	Tày	11A8	
41	HỒ NGỌC TRÂM	Nữ	28/07/2010	Kinh	11A8	
42	Y TRÍ NIỀ	Nam	19/07/2010	Gia-rai	11A8	
43	BUI LÊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	17/10/2010	Kinh	11A8	
44	TRIỆU THỊ KIỆU VÂN	Nữ	30/08/2010	Nùng	11A8	
45	HOÀNG THIÊN VŨ	Nam	21/01/2010	Tày	11A8	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	TRẦN PHÚC ANH	Nam	29/11/2010	Kinh	11A9	
2	VŨ BẢO DUY	Nam	28/02/2010	Kinh	11A9	
3	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	Nữ	26/03/2010	Kinh	11A9	
4	HOÀNG TRỌNG HẢI	Nam	14/09/2010	Kinh	11A9	
5	PHẠM THỊ THANH HẰNG	Nữ	17/09/2010	Kinh	11A9	
6	NÔNG NHẬT HOÀNG	Nam	21/12/2010	Tày	11A9	
7	MAI MINH HẠ HỒ	Nam	16/01/2010	Kinh	11A9	
8	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	26/12/2010	Tày	11A9	
9	NÔNG THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	04/05/2010	Tày	11A9	
10	BÙI THỊ LÀI	Nữ	28/10/2009	Kinh	11A9	
11	HỒ NHẬT HƯƠNG LINH	Nữ	02/08/2010	Kinh	11A9	
12	NÔNG THỊ THÙY LINH	Nữ	27/09/2010	Nùng	11A9	
13	BÙI GIA LONG	Nam	04/03/2010	Kinh	11A9	
14	VŨ DUY LỘC	Nam	10/06/2010	Kinh	11A9	
15	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	16/10/2010	Kinh	11A9	
16	HỨA VƯƠNG TRÀ MY	Nữ	25/08/2010	Nùng	11A9	
17	DƯƠNG THỊ HOA MỸ	Nữ	03/09/2010	Nùng	11A9	
18	HỒ VĂN NAM	Nam	08/11/2010	Kinh	11A9	
19	NGUYỄN THỊ NAM	Nữ	22/05/2010	Kinh	11A9	
20	VŨ QUANG NGỌC	Nam	01/02/2010	Kinh	11A9	
21	NÔNG THỊ TÂM NHƯ	Nữ	10/04/2010	Nùng	11A9	
22	NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH	Nữ	23/11/2010	Kinh	11A9	
23	H' DU RA MJÃO	Nữ	09/08/2010	Gia-rai	11A9	
24	Y RAI HRA	Nam	20/02/2008	Gia-rai	11A9	
25	H' REN SIU	Nữ	13/11/2010	Gia-rai	11A9	
26	BÊ GIÁNG SON	Nữ	15/11/2010	Tày	11A9	
27	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG SƠN	Nam	01/01/2009	Kinh	11A9	
28	HÀ ĐÌNH TÙNG	Nam	22/07/2010	Thái	11A9	
29	Y KATY SIU	Nam	25/07/2010	Gia-rai	11A9	
30	HOÀNG DUY THANH	Nam	09/10/2010	Kinh	11A9	
31	PHẠM THÀNH THẮNG	Nam	07/07/2010	Kinh	11A9	
32	TẠ MAI HOÀI THƯƠNG	Nữ	25/10/2010	Kinh	11A9	
33	LƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	Nữ	24/04/2010	Nùng	11A9	
34	HUỲNH THỊ NGỌC TRÂN	Nữ	29/10/2009	Kinh	11A9	
35	NGUYỄN VÔ NGỌC TRÂN	Nữ	06/09/2010	Kinh	11A9	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *HC*

TRƯỜNG HỌC
PHỔ THÔNG
EA SÚP

Lê Quang Trường

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	VŨ PHƯƠNG ANH	Nữ	28/02/2010	Kinh	11A10	
2	NÔNG VĂN BẢO	Nam	11/01/2010	Nùng	11A10	
3	NGUYỄN THUY BÌNH	Nữ	14/10/2010	Kinh	11A10	
4	BUI CHÍ CÔNG	Nam	10/07/2009	Kinh	11A10	
5	ĐOÀN BẢO CHÂM	Nữ	28/10/2010	Tày	11A10	
6	BUI VĂN CHIẾN	Nam	20/01/2010	Mường	11A10	
7	LỤC QUỐC CHIẾN	Nam	11/04/2010	Nùng	11A10	
8	SÙNG THỊ DUNG	Nữ	01/10/2010	H'Mông	11A10	
9	HỒ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	24/02/2010	Kinh	11A10	
10	PHƯƠNG CHÍ ĐẠT	Nam	04/07/2010	Sán Chay	11A10	
11	LÝ VĂN HẠNH	Nam	07/02/2008	Nùng	11A10	
12	ĐAM PHẠM NGỌC HÂN	Nữ	09/11/2010	Tày	11A10	
13	VƯƠNG THỊ THANH HIỀN	Nữ	18/10/2010	Nùng	11A10	
14	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	20/02/2009	Kinh	11A10	
15	VŨ ĐỨC HIẾU	Nam	08/09/2010	Kinh	11A10	
16	HỒ THỊ THU HOÀI	Nữ	07/06/2010	Kinh	11A10	
17	DƯƠNG THÀNH TUẤN HÙNG	Nam	11/03/2010	Kinh	11A10	
18	VŨ THỊ VIỆT HƯƠNG	Nữ	15/09/2010	Kinh	11A10	
19	NÔNG TIẾN KHANG	Nam	08/03/2010	Nùng	11A10	
20	NGUYỄN HOÀNG BẢO LÂM	Nam	03/01/2010	Kinh	11A10	
21	VI THỊ TRÚC LINH	Nữ	10/08/2010	Tày	11A10	
22	TRẦN HOÀNG LONG	Nam	07/02/2010	Kinh	11A10	
23	HÀ DUY MẠNH	Nam	25/12/2010	Kinh	11A10	
24	ĐO NGỌC MINH	Nam	26/06/2010	Kinh	11A10	
25	H' ĐA NAISH HRA	Nữ	23/01/2010	Gia-rai	11A10	
26	H' GIA NI SIU	Nữ	23/05/2010	Gia-rai	11A10	
27	LÝ THỊ THU NGÀ	Nữ	30/06/2010	Nùng	11A10	
28	PHẠM TRẦN UYÊN NHI	Nữ	14/05/2010	Kinh	11A10	
29	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	05/03/2010	Kinh	11A10	
30	LƯƠNG THỊ KIM OANH	Nữ	24/08/2010	Nùng	11A10	
31	LÝ THỊ KIM OANH	Nữ	13/06/2010	Nùng	11A10	
32	VŨ THIÊN OANH	Nữ	05/07/2010	Kinh	11A10	
33	NÔNG THANH PHÚC	Nam	20/12/2010	Tày	11A10	
34	TRINH BÁ QUÂN	Nam	25/08/2010	Kinh	11A10	
35	HUYNH XUÂN THÁI	Nam	08/02/2010	Kinh	11A10	
36	LÊ THỊ THẢO	Nữ	09/01/2010	Kinh	11A10	
37	ĐAM MINH THIÊN	Nam	17/12/2010	Tày	11A10	
38	NÔNG THỊ THU	Nữ	09/03/2009	Nùng	11A10	
39	ĐẶNG VĂN THUẬN	Nam	14/06/2010	Kinh	11A10	
40	VƯƠNG THỊ THU TRANG	Nữ	15/09/2010	Nùng	11A10	
41	TRẦN THỊ TRÂM	Nữ	06/05/2010	Kinh	11A10	
42	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	Nữ	02/02/2010	Kinh	11A10	
43	DƯƠNG THỊ KIỀU UYÊN	Nữ	16/05/2010	Tày	11A10	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

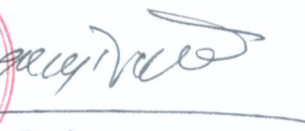


Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Ghi chú
1	H RI A KPÃ	Nữ	22/10/2010	Gia-rai	11A11	
2	ĐÀM THỊ AN	Nữ	26/02/2010	Tày	11A11	
3	TRIỆU YẾN CHI	Nữ	03/05/2010	Nùng	11A11	
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	Nam	06/10/2009	Kinh	11A11	
5	LÊ CÔNG DUY	Nam	06/06/2009	Kinh	11A11	
6	TÔ NÔNG DUY	Nam	17/06/2009	Nùng	11A11	
7	PHẠM HUY GIANG	Nam	23/06/2010	Kinh	11A11	
8	MÃ ĐẠI GIÁP	Nam	17/11/2010	Nùng	11A11	
9	LÊ TỰ HÀO	Nam	02/01/2010	Kinh	11A11	
10	LÊ THU HIỀN	Nữ	20/12/2010	Kinh	11A11	
11	KHÔNG MINH HIẾU	Nam	23/12/2010	Kinh	11A11	
12	HÀ MẠNH HỒ	Nam	16/02/2010	Thái	11A11	
13	LỤC CHẨN HUY	Nam	05/09/2010	Nùng	11A11	
14	TRẦN DUY GIA HUY	Nam	17/08/2010	Kinh	11A11	
15	BÙI THỊ THÁI HUYỀN	Nữ	12/02/2010	Kinh	11A11	
16	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	05/02/2010	Kinh	11A11	
17	LÊ VĂN HỮU	Nam	03/01/2010	Mường	11A11	
18	VŨ THỊ KIA	Nữ	09/06/2008	HMông	11A11	
19	HUỲNH NGỌC TUỜNG LAM	Nữ	13/09/2010	Kinh	11A11	
20	PHẠM THỊ GIA LINH	Nữ	23/12/2010	Kinh	11A11	
21	PHẠM NGUYỄN VIỆT LUÂN	Nam	30/01/2010	Kinh	11A11	
22	H' NGA HRA	Nữ	14/02/2010	Gia-rai	11A11	
23	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	30/11/2010	Thái	11A11	
24	HÀ THỊ DĂNG SON	Nữ	27/08/2010	Kinh	11A11	
25	VƯƠNG MẠNH TÙNG	Nam	30/03/2009	Nùng	11A11	
26	VŨ ĐỨC TUYẾN	Nam	29/10/2009	Kinh	11A11	
27	TRẦN THỊ MAI THANH	Nữ	27/04/2010	Kinh	11A11	
28	PHẠM TIẾN THÀNH	Nam	29/01/2010	Kinh	11A11	
29	TRỊNH VĂN THÀNH	Nam	15/06/2010	Kinh	11A11	
30	H THIẾT SIU	Nữ	07/05/2010	Gia-rai	11A11	
31	LÒ THỊ MAI THỦY	Nữ	12/03/2010	Thái	11A11	
32	CAO THỊ NGỌC TRANG	Nữ	26/06/2010	Kinh	11A11	
33	HOÀNG THỊ MAI TRANG	Nữ	06/09/2009	Kinh	11A11	
34	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	22/10/2010	Kinh	11A11	
35	NGUYỄN THỦY TRANG	Nữ	24/09/2010	Kinh	11A11	
36	ĐẶNG TRẦN NHƯ TRÚC	Nữ	08/04/2010	Kinh	11A11	
37	TRIỆU KHÁNH VY	Nữ	11/08/2010	Dao	11A11	
38	H ZELA SIU	Nữ	17/08/2010	Gia-rai	11A11	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026


HIỆU TRƯỞNG *PE*

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỎI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	BUI THUC ANH	Nữ	11/01/2009	Kinh	12A1	
2	LE NGUYEN NGOC ANH	Nữ	18/10/2009	Kinh	12A1	
3	NGUYEN TRAN GIA BAO	Nam	28/05/2009	Kinh	12A1	
4	NGUYEN PHUOC BINH	Nam	07/03/2009	Kinh	12A1	
5	NGUYEN SONG QUÊ CHI	Nữ	01/12/2009	Kinh	12A1	
6	NGUYEN VAN THE DANH	Nam	10/07/2009	Kinh	12A1	
7	H' SU DIN BYA	Nữ	01/02/2009	Ê-đê	12A1	
8	ĐO HUU DUNG	Nam	25/01/2009	Kinh	12A1	
9	LUONG CHI DUNG	Nam	14/02/2009	Kinh	12A1	
10	NGUYEN THI THUY DUONG	Nữ	04/01/2009	Kinh	12A1	
11	ĐINH THI ANH ĐÀO	Nữ	06/10/2009	Kinh	12A1	
12	ĐANG NGOC HAN	Nữ	22/04/2009	Kinh	12A1	
13	CAO HUU HUY	Nam	03/03/2009	Kinh	12A1	
14	VU THI NGOC HUYEN	Nữ	06/09/2008	Kinh	12A1	
15	TRAN HO GIA HUNG	Nam	05/02/2009	Kinh	12A1	
16	LE DUY TRUNG KIEN	Nam	20/01/2009	Kinh	12A1	
17	VU NGOC KY	Nam	27/09/2009	Kinh	12A1	
18	PHAN ĐANG NHAT LONG	Nam	14/12/2009	Kinh	12A1	
19	HOANG KHAC LOC	Nam	05/08/2009	Kinh	12A1	
20	NGUYEN CONG MINH	Nam	15/05/2009	Kinh	12A1	
21	ĐINH HOANG NAM	Nam	12/02/2009	Kinh	12A1	
22	NGUYEN THI ANH NGOC	Nữ	06/09/2009	Kinh	12A1	
23	NGUYEN THI NHU NGOC	Nữ	06/01/2009	Kinh	12A1	
24	NGUYEN NGOC HOANG NGUYEN	Nam	29/06/2009	Kinh	12A1	
25	TA LE UYEN NHI	Nữ	10/11/2009	Kinh	12A1	
26	TRAN THI YEN NHI	Nữ	27/08/2009	Kinh	12A1	
27	TRAN VU QUYNH NHU	Nữ	09/02/2009	Kinh	12A1	
28	TO DUY PHUONG	Nam	31/07/2009	Kinh	12A1	
29	LE NGOC QUYEN	Nam	20/01/2009	Kinh	12A1	
30	NGO QUYEN	Nam	30/06/2009	Kinh	12A1	
31	VI LUC NHU QUYNH	Nữ	03/01/2009	Tày	12A1	
32	NGUYEN NGOC TINH	Nam	17/01/2009	Kinh	12A1	
33	NGUYEN NAM THANH	Nam	27/02/2009	Kinh	12A1	
34	CAO PHUONG THAO	Nữ	31/12/2009	Kinh	12A1	
35	NGUYEN THI HOAI THUONG	Nữ	12/11/2009	Kinh	12A1	
36	ĐINH NGUYEN MAI TRANG	Nữ	02/04/2009	Kinh	12A1	
37	ĐO LE NGOC HUYEN TRANG	Nữ	29/11/2009	Kinh	12A1	
38	VU THI MAI TRANG	Nữ	08/10/2009	Kinh	12A1	
39	NGUYEN TRAN THANH VAN	Nữ	11/07/2009	Kinh	12A1	
40	THAN NGUYEN AI VU	Nữ	04/12/2009	Kinh	12A1	
41	TRAN THI THAO YEN	Nữ	08/04/2009	Kinh	12A1	
42	VU THI PHUONG YEN	Nữ	01/07/2009	Kinh	12A1	
43	BANH TIEU YEN	Nữ	07/05/2009	Kinh	12A1	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *FE*

Lê Quang Trường

TRƯỜNG THPT EA SÚP

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	ĐẶNG QUANG QUYỀN ANH	Nam	01/09/2009	Kinh	12A2	
2	HOÀNG CÔNG TUẤN ANH	Nam	11/10/2009	Kinh	12A2	
3	PHẠM NGỌC ANH	Nữ	06/09/2009	Kinh	12A2	
4	NGUYỄN HOÀI BĂNG	Nữ	08/05/2009	Kinh	12A2	
5	NGUYỄN PHAN NGỌC DIỆP	Nữ	19/04/2009	Kinh	12A2	
6	NGUYỄN BUI TRUNG ĐỨC	Nam	10/06/2009	Kinh	12A2	
7	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	09/02/2009	Kinh	12A2	
8	HỒ NGUYỄN MINH HẢI	Nam	25/01/2009	Kinh	12A2	
9	TRẦN QUANG HẢI	Nam	25/02/2009	Kinh	12A2	
10	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	14/12/2009	Kinh	12A2	
11	PHẠM HỒNG HIỆU	Nam	25/07/2009	Kinh	12A2	
12	THÁI VĂN MINH HOÀNG	Nam	21/07/2009	Kinh	12A2	
13	NGUYỄN DUY KHẢI	Nam	19/08/2009	Kinh	12A2	
14	NGUYỄN THỊ THANH LAM	Nữ	08/01/2008	Kinh	12A2	
15	LÂM KHÁNH LINH	Nữ	09/07/2009	Kinh	12A2	
16	LÊ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	10/03/2009	Kinh	12A2	
17	NGÔ MAI LINH	Nữ	24/05/2009	Kinh	12A2	
18	LẠI THỂ HOÀNG LỘC	Nam	21/10/2009	Kinh	12A2	
19	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	Nam	28/06/2009	Kinh	12A2	
20	TRẦN BẢO NGỌC	Nữ	11/10/2009	Kinh	12A2	
21	PHẠM THẢO NGUYỄN	Nữ	07/10/2009	Kinh	12A2	
22	HÀ THỊ YÊN NHI	Nữ	13/06/2009	Thái	12A2	
23	NGUYỄN THỊ BẢO NHI	Nữ	18/10/2009	Kinh	12A2	
24	NGUYỄN TRẦN TÂM NHI	Nữ	21/12/2009	Kinh	12A2	
25	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	12/04/2009	Kinh	12A2	
26	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	Nữ	03/01/2009	Kinh	12A2	
27	HỒ ĐẶNG PHÚC	Nam	20/01/2009	Kinh	12A2	
28	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	24/06/2009	Kinh	12A2	
29	TRẦN NHẬT QUANG	Nam	21/12/2009	Kinh	12A2	
30	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	Nữ	17/03/2009	Kinh	12A2	
31	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	24/06/2009	Kinh	12A2	
32	NGUYỄN THÀNH TÂM	Nam	17/02/2009	Kinh	12A2	
33	VÕ ĐÌNH TÂM	Nam	20/10/2009	Kinh	12A2	
34	ĐẶNG ANH TUẤN	Nam	13/08/2009	Kinh	12A2	
35	VÕ NGỌC THANH	Nữ	08/07/2009	Kinh	12A2	
36	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	29/10/2009	Kinh	12A2	
37	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	04/12/2009	Kinh	12A2	
38	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	13/10/2009	Kinh	12A2	
39	PHẠM NGUYỄN BẢO THỊ	Nữ	17/01/2009	Kinh	12A2	
40	TRẦN NGUYỄN BẢO TRẦN	Nữ	30/05/2009	Kinh	12A2	
41	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	08/05/2009	Kinh	12A2	
42	PHẠM THANH VUI	Nữ	30/03/2009	Kinh	12A2	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	BUI QUANG ANH	Nam	23/09/2009	Kinh	12A3	
2	HUYNH PHAM BAO ANH	Nữ	08/10/2009	Kinh	12A3	
3	NGUYEN KIM ANH	Nữ	21/01/2009	Kinh	12A3	
4	NGUYEN QUYNH ANH	Nữ	18/03/2009	Kinh	12A3	
5	TRAN THI TRAM ANH	Nữ	28/11/2009	Kinh	12A3	
6	NGUYEN THI MINH ANH	Nữ	18/02/2009	Kinh	12A3	
7	NGUYEN VU NGOC ANH	Nữ	22/01/2009	Kinh	12A3	
8	MAI HOAI AN	Nữ	06/01/2009	Kinh	12A3	
9	NGUYEN TAN GIA BAO	Nam	13/08/2009	Kinh	12A3	
10	HO THI MINH CHAU	Nữ	15/01/2009	Kinh	12A3	
11	PHAM THI HUYEN DIEU	Nữ	09/10/2008	Kinh	12A3	
12	DUONG THI THUY DUYEN	Nữ	16/06/2009	Kinh	12A3	
13	NGUYEN THI HIEN	Nữ	22/11/2008	Kinh	12A3	
14	HO MINH HIEU	Nam	01/09/2009	Kinh	12A3	
15	LUONG KHANH HUY	Nam	25/08/2009	Kinh	12A3	
16	NGUYEN THI HONG HUONG	Nữ	23/01/2009	Kinh	12A3	
17	HA THI THANH KIEU	Nữ	12/07/2009	Tày	12A3	
18	TRAN XUAN KHAI	Nam	01/01/2009	Kinh	12A3	
19	MAI THI KHANH LINH	Nữ	27/05/2009	Kinh	12A3	
20	NGUYEN LE THUY LINH	Nữ	30/04/2009	Mường	12A3	
21	PHAM DOAN DAI LONG	Nam	09/06/2009	Kinh	12A3	
22	LUONG VU LUAN	Nam	26/09/2009	Kinh	12A3	
23	BUI THI THUY NGA	Nữ	07/08/2009	Kinh	12A3	
24	VU HOANG BAO NGAN	Nữ	09/04/2009	Kinh	12A3	
25	NGUYEN KHOI NGUYEN	Nam	30/10/2009	Kinh	12A3	
26	ĐAM NGUYEN YEN NHI	Nữ	22/01/2009	Kinh	12A3	
27	HOANG LE YEN NHI	Nữ	01/05/2009	Kinh	12A3	
28	NGUYEN THI YEN NHI	Nữ	20/12/2009	Kinh	12A3	
29	TRAN HOANG YEN NHI	Nữ	13/10/2009	Kinh	12A3	
30	BANH TRONG DUC PHAT	Nam	21/12/2009	Kinh	12A3	
31	NGUYEN QUY PHUOC	Nam	30/09/2009	Kinh	12A3	
32	NGUYEN TAT NHAT QUANG	Nam	31/03/2009	Kinh	12A3	
33	HOANG MINH QUAN	Nam	01/11/2009	Kinh	12A3	
34	HOANG THI QUYNH	Nữ	29/01/2009	Kinh	12A3	
35	NGUYEN DAU SON	Nam	01/11/2009	Kinh	12A3	
36	HO THI TAM TINH	Nữ	23/11/2009	Kinh	12A3	
37	ĐO TIEN THANH	Nam	29/12/2009	Kinh	12A3	
38	LE VAN THANH	Nam	21/07/2009	Kinh	12A3	
39	NGUYEN VAN TIEN THANH	Nam	17/10/2009	Kinh	12A3	
40	LE THI PHUONG THAO	Nữ	01/08/2009	Kinh	12A3	
41	NGUYEN THI PHUONG THAO	Nữ	14/06/2009	Kinh	12A3	
42	TRAN VAN THIEN	Nam	28/08/2009	Kinh	12A3	
43	PHAM THI NGOC THU	Nữ	11/08/2009	Kinh	12A3	
44	MAI PHUONG THUY	Nữ	16/07/2009	Kinh	12A3	
45	NGUYEN THI HUYEN TRANG	Nữ	06/10/2008	Kinh	12A3	
46	LE QUANG TRUONG	Nam	19/05/2009	Kinh	12A3	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT EA SÚP

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU AN	Nam	17/04/2009	Kinh	12A4	
2	ĐẶNG QUỲNH ANH	Nữ	28/03/2009	Kinh	12A4	
3	LƯƠNG BỘI CHÂU	Nam	10/02/2009	Kinh	12A4	
4	ĐỖ TIẾN DÂN	Nam	14/03/2009	Kinh	12A4	
5	PHẠM HOÀNG MINH DƯƠNG	Nam	04/08/2009	Kinh	12A4	
6	PHẠM THỊ KHÁNH DƯƠNG	Nữ	19/10/2009	Kinh	12A4	
7	NGUYỄN ĐẮC ĐỊNH	Nam	06/05/2009	Kinh	12A4	
8	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	Nữ	30/07/2009	Kinh	12A4	
9	TRẦN VĂN HOÀNG HẢI	Nam	05/12/2009	Kinh	12A4	
10	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	Nam	02/01/2009	Kinh	12A4	
11	HOÀNG THỊ HƯƠNG	Nữ	28/12/2009	Kinh	12A4	
12	TRẦN VÕ GIA KIẾN	Nam	07/08/2009	Kinh	12A4	
13	NGUYỄN HOÀNG LAN	Nữ	22/09/2009	Kinh	12A4	
14	VÕ NGUYỄN TRÚC LINH	Nữ	27/03/2009	Kinh	12A4	
15	TRẦN VĂN BẢO LỘC	Nam	07/11/2009	Kinh	12A4	
16	TRẦN THỊ XUÂN MAI	Nữ	17/08/2009	Kinh	12A4	
17	LÊ NGUYỄN THANH MỸ	Nữ	13/06/2009	Kinh	12A4	
18	PHAN BUI THẢO NGUYỄN	Nữ	14/03/2009	Kinh	12A4	
19	PHAN LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	29/08/2009	Kinh	12A4	
20	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	Nữ	06/05/2009	Kinh	12A4	
21	HOÀNG THỊ YẾN NHƯ	Nữ	23/10/2009	Kinh	12A4	
22	PHẠM HOÀNG PHÚC	Nam	20/01/2009	Kinh	12A4	
23	TRỊNH VĂN PHÚC	Nam	19/10/2009	Kinh	12A4	
24	NGUYỄN VÕ THU PHƯƠNG	Nữ	01/01/2009	Kinh	12A4	
25	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG	Nữ	10/05/2007	Kinh	12A4	
26	ĐOÀN MINH QUÂN	Nam	19/09/2009	Kinh	12A4	
27	TRẦN NỮ THUY TIỀN	Nữ	30/12/2009	Kinh	12A4	
28	NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	Nam	05/04/2009	Kinh	12A4	
29	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	Nữ	06/06/2009	Kinh	12A4	
30	NGUYỄN VÕ THANH THẢO	Nữ	15/06/2009	Kinh	12A4	
31	NGUYỄN BIÊN THUY	Nữ	05/10/2009	Kinh	12A4	
32	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG THƯ	Nữ	19/02/2009	Kinh	12A4	
33	NGÔ ANH THƯ	Nữ	27/10/2009	Kinh	12A4	
34	LƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	28/12/2008	Thái	12A4	
35	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	11/02/2009	Kinh	12A4	
36	TRẦN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	04/12/2009	Kinh	12A4	
37	VÕ THỊ YẾN TRANG	Nữ	30/07/2009	Kinh	12A4	
38	TRẦN BUI BẢO TRÂM	Nữ	12/06/2009	Kinh	12A4	
39	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	17/02/2009	Nùng	12A4	
40	NGUYỄN THỊ THẢO VY	Nữ	07/06/2008	Kinh	12A4	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG *h*

TRƯỜNG THPT HỌC
PHỔ THÔNG
EA SÚP

Lê Quang Trường

Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/09/2009	Kinh	12A5	
2	TRẦN THỊ HUYỀN ANH	Nữ	18/03/2009	Kinh	12A5	
3	TRÀ THANH BÌNH	Nam	06/09/2009	Kinh	12A5	
4	VI THỊ NGỌC DUNG	Nữ	23/10/2009	Thái	12A5	
5	HOÀNG THỊ DƯƠNG	Nữ	17/03/2009	Nùng	12A5	
6	H' ĐỀBÔLY SIU	Nữ	16/03/2009	Gia-rai	12A5	
7	TRẦN HỒ HÒA ĐIẾP	Nữ	19/06/2008	Kinh	12A5	
8	LÊ THỊ NGỌC HÀ	Nữ	07/12/2009	Kinh	12A5	
9	HÀ THÚY HẢO	Nữ	17/10/2008	Mường	12A5	
10	NGUYỄN VĂN HIẾU	Nam	01/06/2009	Kinh	12A5	
11	QUÁCH LÊ KIM HUỆ	Nữ	01/05/2009	Mường	12A5	
12	HOÀNG QUANG KHAI	Nam	29/03/2009	Nùng	12A5	
13	LANG THỊ THÙY LINH	Nữ	18/09/2009	Thái	12A5	
14	LÊ XUÂN LỘC	Nam	16/07/2009	Kinh	12A5	
15	TÔ BÁ MẠNH	Nam	12/12/2008	Kinh	12A5	
16	HỒ PHẠM NGỌC MINH	Nam	08/11/2009	Kinh	12A5	
17	ĐÀO THỊ MỪNG	Nữ	15/03/2009	Kinh	12A5	
18	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	31/12/2009	Kinh	12A5	
19	TRIỆU VĂN PHÚC	Nam	26/10/2009	Dao	12A5	
20	NGÔ MINH QUÝ	Nam	08/08/2009	Kinh	12A5	
21	NGUYỄN VĂN TRẦN QUÝ	Nam	19/02/2009	Kinh	12A5	
22	TÔ DƯƠNG NHƯ QUỲNH	Nữ	22/09/2009	Nùng	12A5	
23	NGÔ XUÂN TOÀN	Nam	09/06/2009	Kinh	12A5	
24	HÀ ANH TUẤN	Nam	30/04/2008	Thái	12A5	
25	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	08/06/2009	Kinh	12A5	
26	LÊ NGỌC THÁI	Nam	10/08/2009	Kinh	12A5	
27	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	Nữ	03/05/2009	Kinh	12A5	
28	VŨ THỊ THANH THẢO	Nữ	27/08/2009	Kinh	12A5	
29	TRIỆU VĂN THẮNG	Nam	14/06/2009	Dao	12A5	
30	TRỊNH PHÓ THIÊN	Nam	26/04/2009	Kinh	12A5	
31	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	08/08/2009	Kinh	12A5	
32	ĐỖ THỊ TRÂM	Nữ	21/03/2009	Kinh	12A5	
33	PHẠM VĂN THÀNH TRUNG	Nam	28/05/2009	Kinh	12A5	
34	NGUYỄN THẾ VIỆT	Nam	23/02/2009	Kinh	12A5	
35	ĐẬU ĐỨC TÂN VINH	Nam	28/09/2009	Kinh	12A5	
36	LỖ THỊ XUÂN	Nữ	20/01/2008	Thái	12A5	
37	VŨ THỊ HAI YẾN	Nữ	28/07/2009	Kinh	12A5	
38	H' ZUNY BYĂ	Nữ	01/09/2009	Gia-rai	12A5	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



 Hieu Trưởng

Lê Quang Trường

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	ĐỖ HOÀNG BẢO	Nam	22/10/2009	Kinh	12A6	
2	ĐẶNG THỊ NHƯ BÌNH	Nữ	22/05/2009	Kinh	12A6	
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	07/06/2009	Kinh	12A6	
4	VƯƠNG HOÀNG ĐỨC DŨNG	Nam	12/11/2009	Nùng	12A6	
5	LÊ THÁI ĐAN	Nam	22/12/2009	Kinh	12A6	
6	HOÀNG VĂN HÀ	Nam	06/11/2009	Kinh	12A6	
7	HỒ THỊ NGỌC HÀ	Nữ	26/11/2009	Kinh	12A6	
8	TRIỆU THỊ THU HIỀN	Nữ	05/03/2009	Tày	12A6	
9	THÁI THỊ THANH HUYỀN	Nữ	12/09/2009	Kinh	12A6	
10	HOÀNG NGỌC HUYNH	Nam	23/01/2009	Tày	12A6	
11	ĐÀM VĨNH HÙNG	Nam	08/06/2009	Tày	12A6	
12	NÔNG THỊ KIM LIÊN	Nữ	26/06/2009	Tày	12A6	
13	TRẦN THỊ BÍCH LOAN	Nữ	23/04/2009	Tày	12A6	
14	TRẦN THỊ MAI LOAN	Nữ	19/02/2009	Nùng	12A6	
15	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	28/08/2009	Kinh	12A6	
16	LÊ THỊ LỘC	Nữ	02/01/2009	Kinh	12A6	
17	NGUYỄN HOÀNG VĨNH LỢI	Nam	06/02/2009	Kinh	12A6	
18	LÊ THỊ HỒNG LUYẾN	Nữ	05/01/2009	Nùng	12A6	
19	TRIỆU THỊ TRÀ MI	Nữ	08/05/2009	Dao	12A6	
20	NGUYỄN CAO MINH	Nam	24/11/2008	Kinh	12A6	
21	H' NI SỎ MÍT HRA	Nữ	30/08/2009	Gia-rai	12A6	
22	Y BA NI NIỀ	Nam	12/08/2009	Gia-rai	12A6	
23	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	11/01/2009	Kinh	12A6	
24	ĐÀM HÀ MINH NGHĨA	Nam	03/10/2009	Thái	12A6	
25	CÀM NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	14/07/2009	Thái	12A6	
26	ĐẶNG CÔNG NGỌC	Nam	20/09/2008	Kinh	12A6	
27	NGÔ THỊ BẢO NGỌC	Nữ	20/12/2009	Kinh	12A6	
28	TRẦN THỊ KIM PHỤNG	Nữ	26/01/2009	Kinh	12A6	
29	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	11/11/2009	Kinh	12A6	
30	TRẦN VĂN QUYỀN	Nam	27/06/2009	Kinh	12A6	
31	LÊ NGỌC TRƯỜNG SƠN	Nam	16/11/2009	Kinh	12A6	
32	NGUYỄN PHƯỚC TỬ	Nam	16/06/2009	Kinh	12A6	
33	HOÀNG XUÂN NGỌC TƯỜNG	Nam	19/02/2009	Kinh	12A6	
34	NGÔ QUANG THẮNG	Nam	14/04/2009	Kinh	12A6	
35	ÔNG ÍCH THẮNG	Nam	03/04/2009	Kinh	12A6	
36	HOÀNG THỊ THU	Nữ	23/10/2007	H'Mông	12A6	
37	HUỖNH ANH THU	Nữ	23/09/2009	Kinh	12A6	
38	H' THU' BYÃ	Nữ	23/06/2009	Gia-rai	12A6	
39	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	Nam	01/11/2009	Kinh	12A6	
40	MAI THỊ KHÁNH VI	Nữ	09/09/2009	Kinh	12A6	
41	H' Ế WA SIU	Nữ	31/01/2009	Gia-rai	12A6	

a Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026
 HIỆU TRƯỞNG *fe*
Nguyễn Văn
 Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	NGUYỄN DOÃN ANH	Nam	26/06/2009	Kinh	12A7	
2	ĐẶNG NGỌC ANH	Nữ	21/05/2009	Kinh	12A7	
3	NGUYỄN VĂN ANH	Nam	31/03/2009	Kinh	12A7	
4	LONG THỊ THUY CHI	Nữ	14/06/2009	Tày	12A7	
5	VŨ NGUYỄN DŨNG	Nam	28/12/2008	Kinh	12A7	
6	LƯƠNG VĂN ĐẠI	Nam	21/01/2009	Thái	12A7	
7	TRẦN THỊ HÀ	Nữ	07/02/2009	Kinh	12A7	
8	DUƠNG THỊ HẰNG	Nữ	02/07/2009	HMông	12A7	
9	PHẠM VĂN HẬU	Nam	10/03/2008	Kinh	12A7	
10	HOÀNG THỊ THU HOÀI	Nữ	03/01/2009	Tày	12A7	
11	LÝ THU HOÀI	Nữ	02/10/2009	Nùng	12A7	
12	LÂM VĂN HOÀNG	Nam	03/09/2009	Kinh	12A7	
13	NGUYỄN DUY HUY	Nam	20/10/2009	Kinh	12A7	
14	NÔNG ĐIỂM HUYỀN	Nữ	16/05/2009	Nùng	12A7	
15	NÔNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	09/06/2009	Nùng	12A7	
16	NGUYỄN BÁ KHANG	Nam	06/03/2009	Kinh	12A7	
17	LŨ VĂN KHÁNH	Nam	06/04/2009	Thái	12A7	
18	LÊ THỊ THUY LINH	Nữ	29/03/2009	Kinh	12A7	
19	NGUYỄN THỊ ÁNH LY	Nữ	08/07/2009	Kinh	12A7	
20	H' VI NA NIỀ	Nữ	02/12/2009	Gia-rai	12A7	
21	ĐÀO NGUYỄN NGUYỆT NGÀ	Nữ	17/04/2009	Kinh	12A7	
22	ĐỖ THỊ THU NGÂN	Nữ	02/01/2009	Kinh	12A7	
23	VÕ THỊ KIM NGÂN	Nữ	08/09/2009	Kinh	12A7	
24	NGUYỄN VŨ KHÁNH NGỌC	Nữ	30/05/2009	Kinh	12A7	
25	TRẦN CHÍ NGUYỄN	Nam	17/04/2009	Tày	12A7	
26	Y NGUYỄN KNUL	Nam	03/04/2009	Gia-rai	12A7	
27	PHẠM THỊ BẢO NHI	Nữ	30/09/2009	Kinh	12A7	
28	Y MỄ ƠN SIU	Nam	22/07/2009	Gia-rai	12A7	
29	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	26/09/2009	Kinh	12A7	
30	Y ẮN RCẨM BYẢ	Nam	31/12/2009	Gia-rai	12A7	
31	H' SUỜ SIU	Nữ	24/06/2009	Gia-rai	12A7	
32	DUƠNG HOÀNG TUẤN	Nam	20/05/2009	Kinh	12A7	
33	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	17/05/2009	Kinh	12A7	
34	LÝ THỊ PHƯƠNG THUY	Nữ	16/10/2009	Dao	12A7	
35	LƯƠNG HÀ ANH THỨ	Nữ	12/08/2009	Thái	12A7	
36	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	30/09/2009	Kinh	12A7	
37	NGUYỄN THỊ TRÚC	Nữ	12/01/2009	Kinh	12A7	
38	HUỲNH TÂN CÔNG VINH	Nam	29/09/2009	Kinh	12A7	
39	VŨ HOÀNG YÊN VY	Nữ	10/04/2009	Kinh	12A7	
40	ĐẶNG THỊ HẢI YÊN	Nữ	31/07/2009	Kinh	12A7	
41	VÕ HOÀNG BẢO YÊN	Nữ	08/02/2009	Kinh	12A7	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	ĐÀO THỊ NGỌC BĂNG	Nữ	04/05/2009	Kinh	12A8	
2	HOÀNG MAI CHI	Nữ	08/08/2009	Tày	12A8	
3	PHẠM NGỌC CHÍNH	Nam	05/06/2009	Kinh	12A8	
4	NGUYỄN THỊ NHƯ CHÚC	Nữ	16/02/2009	Thái	12A8	
5	TRIỆU QUỐC DŨNG	Nam	23/02/2009	Dao	12A8	
6	NGUYỄN THỊ THỦY DƯƠNG	Nữ	01/08/2009	Kinh	12A8	
7	NÔNG HỒNG ĐIẾP	Nữ	17/10/2009	Nùng	12A8	
8	LANG THỊ EM	Nữ	23/03/2009	Thái	12A8	
9	BÙI LÊ HƯƠNG GIANG	Nữ	16/06/2009	Kinh	12A8	
10	ĐÀO THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	27/12/2009	Kinh	12A8	
11	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	15/09/2009	Kinh	12A8	
12	H' HEM HRA	Nữ	09/10/2009	Gia-rai	12A8	
13	LONG THỊ HIỀN	Nữ	12/12/2009	Nùng	12A8	
14	TRẦN THỊ HIỀN	Nữ	22/09/2009	Kinh	12A8	
15	LŨ TRUNG HIỂU	Nam	17/05/2009	Thái	12A8	
16	NGUYỄN VĂN HOÀNG	Nam	26/07/2009	Kinh	12A8	
17	VŨ THỊ HỒNG	Nữ	19/11/2009	Kinh	12A8	
18	LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	15/06/2009	Kinh	12A8	
19	VÕ HỒNG QUỲNH HƯƠNG	Nữ	24/05/2009	Kinh	12A8	
20	NGUYỄN THỊ BẢO LY	Nữ	12/11/2009	Kinh	12A8	
21	PHAN THỊ MỸ	Nữ	01/08/2007	Kinh	12A8	
22	DƯƠNG THỊ QUỲNH NGÀ	Nữ	13/02/2009	Nùng	12A8	
23	NÔNG LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	06/08/2009	Tày	12A8	
24	PHẠM ĐỨC NHẬT	Nam	17/09/2009	Kinh	12A8	
25	BÙI THỊ YÊN NHÌ	Nữ	30/01/2009	Kinh	12A8	
26	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	27/08/2009	Kinh	12A8	
27	LÊ ĐÌNH QUÂN	Nam	26/09/2009	Kinh	12A8	
28	TRẦN NGỌC QUÝ	Nam	13/07/2009	Kinh	12A8	
29	H' SA RAN MÃO	Nữ	29/12/2009	Gia-rai	12A8	
30	VÀNG SEO SÀNG	Nam	24/01/2009	HMông	12A8	
31	NAY TRIẾT STANH	Nam	01/05/2009	Gia-rai	12A8	
32	TRƯƠNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	25/04/2009	Ngái	12A8	
33	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	03/10/2009	Kinh	12A8	
34	ĐÀM XUÂN TÙNG	Nam	28/02/2009	Nùng	12A8	
35	ĐÀO CÔNG THÀNH	Nam	19/05/2009	Kinh	12A8	
36	HỒ THỊ ANH THU	Nữ	01/11/2009	Kinh	12A8	
37	NGÔ THỊ THỦY TRANG	Nữ	29/03/2009	Kinh	12A8	
38	VŨ XUÂN TRƯỜNG	Nam	28/07/2009	Kinh	12A8	
39	NGÔ THANH VÂN	Nữ	30/08/2009	Kinh	12A8	
40	NGUYỄN NGUYỄN VŨ	Nam	16/06/2009	Kinh	12A8	
41	ĐINH NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	25/09/2009	Kinh	12A8	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



HIỆU TRƯỞNG

Ds Lê Quang Trường

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 12 NĂM HỌC 2026-2027

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp 26-27	Ghi chú
1	VŨ THỊ ANH	Nữ	09/08/2009	Kinh	12A9	
2	ĐÌNH THỊ KIM ÁNH	Nữ	03/01/2009	Kinh	12A9	
3	LƯU THỊ MAI ÁNH	Nữ	25/05/2009	Nùng	12A9	
4	TRẦN THỊ THÙY DUNG	Nữ	12/09/2009	Kinh	12A9	
5	BUI THỊ DUYÊN	Nữ	22/05/2009	Kinh	12A9	
6	PHẠM THÚY HẠNH	Nữ	14/04/2009	Kinh	12A9	
7	PHẠM VŨ ĐÌNH HIẾU	Nam	18/08/2009	Kinh	12A9	
8	HOÀNG THỊ THÚY HỒNG	Nữ	05/07/2009	Nùng	12A9	
9	NGUYỄN THỊ HIỀN LAM	Nữ	10/09/2009	Kinh	12A9	
10	ĐOÀN GIA LỆ	Nữ	30/10/2009	Kinh	12A9	
11	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	11/03/2009	Kinh	12A9	
12	NGẠC THỊ LUẬN	Nữ	04/10/2009	Nùng	12A9	
13	NGUYỄN KIM NGOAN	Nữ	24/09/2009	Kinh	12A9	
14	KHÔNG VŨ THẢO NGUYÊN	Nữ	16/09/2009	Tày	12A9	
15	TRẦN VĂN NHẬT	Nam	06/02/2009	Kinh	12A9	
16	ĐÌNH HOÀNG NHI	Nữ	21/01/2009	Nùng	12A9	
17	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	Nữ	06/11/2009	Kinh	12A9	
18	NGUYỄN TRẦN HOÀI NHƯ	Nữ	20/10/2009	Kinh	12A9	
19	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/01/2009	Kinh	12A9	
20	TRẦN CÔNG MINH QUANG	Nam	21/11/2009	Kinh	12A9	
21	ĐỖ THẾ QUÂN	Nam	02/12/2009	Kinh	12A9	
22	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	30/10/2009	Kinh	12A9	
23	LÝ VĂN TIẾN	Nam	17/10/2009	Nùng	12A9	
24	HÀ CÔNG TÙNG	Nam	30/01/2009	Thái	12A9	
25	BẦN TIẾN THANH	Nam	01/12/2009	Dao	12A9	
26	ĐỖ THỊ THANH THẢO	Nữ	04/11/2009	Kinh	12A9	
27	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/05/2009	Thái	12A9	
28	TÔ CHÍ THIỆN	Nam	19/08/2009	Kinh	12A9	
29	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	19/12/2009	Kinh	12A9	
30	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	26/05/2009	Kinh	12A9	
31	NÔNG THỊ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	18/01/2009	Tày	12A9	
32	Hoàng Thị Tú Uyên	Nữ	11/06/2009	Nùng	12A9	
33	PHẠM NGUYỄN THẢO UYÊN	Nữ	19/10/2009	Kinh	12A9	
34	PHẠM THỊ UYÊN	Nữ	13/04/2009	Thái	12A9	
35	ĐẶNG NGỌC VĨ	Nam	19/09/2009	Nùng	12A9	
36	VŨ CÔNG VINH	Nam	18/01/2009	Kinh	12A9	
37	HOÀNG NHƯ Ý	Nữ	13/09/2009	Nùng	12A9	

Ea Súp, ngày 18 tháng 8 năm 2026



Đỗ Quang Trường